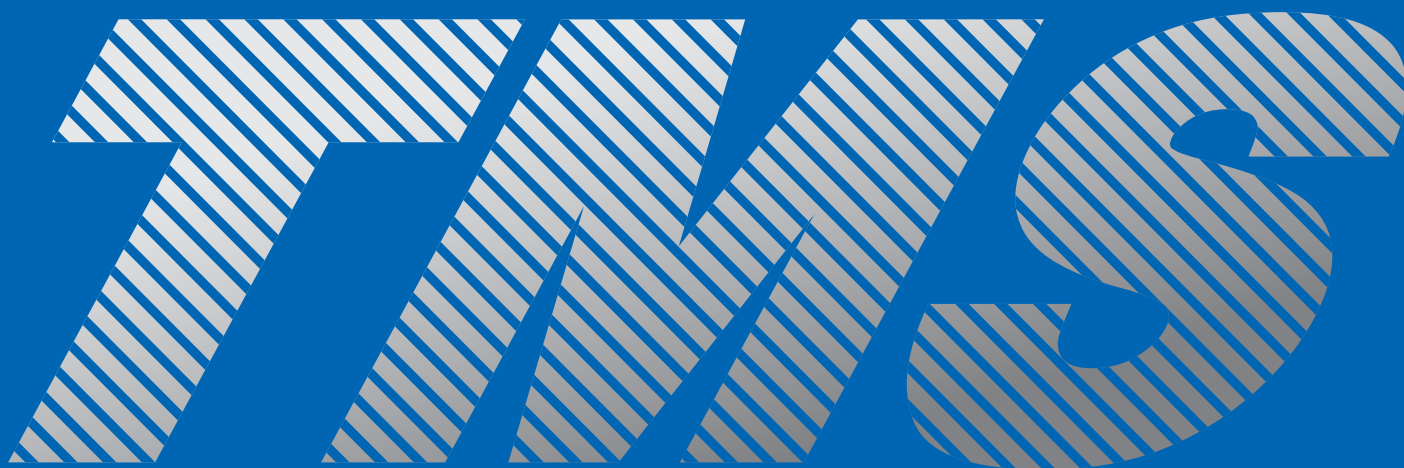




A TOTAL LOGISTICS PROVIDER



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN / ANNUAL REPORT 2014

MỞ RỘNG - HOÀN THIỆN
CHUỖI CUNG ỨNG DỊCH VỤ LOGISTICS
Enlarging Services – Perfecting Logistics chain



A TOTAL LOGISTICS PROVIDER

KHÔNG NGỪNG LỚN MẠNH *Ceaseless Expansion*

MỤC LỤC

04

THÔNG ĐIẾP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

06

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

08

TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CÁC CHI NHÁNH

09

THÔNG TIN CHUNG

10

CÔNG TY CON

12

CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

14

NGÀNH NGHIỆP KINH DOANH - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

15

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

16

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

20

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC QUA 12 NĂM (2003-2014)

22

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

23

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

24

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

26

BAN ĐIỀU HÀNH

27

BAN KIỂM SOÁT

30

CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

31

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

34

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

40

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

44

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

51

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

58

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

86

PHỤ LỤC

92

MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF THE MANAGEMENT BOARD

93

BOARD OF MANAGEMENT'S ANNUAL REPORT

96

GENERAL DIRECTOR'S REPORT

100

SUPERVISORY BOARD'S REPORT



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa quý cổ đông, quý đối tác & khách hàng

Năm 2014 đánh dấu một cột mốc quan trọng của Công ty khi năm đầu tiên kể từ ngày thành lập (năm 1983), tổng doanh thu của Transimex-Saigon đã vượt con số 400 tỷ (442.358.239.378 VNĐ) và lợi nhuận trước thuế đã vượt con số 150 tỷ (155.480.338.328 VNĐ). Kết quả trên đã tiếp tục khẳng định Transimex-Saigon đã đi đúng định hướng phát triển của Công ty.

Về chuỗi cung ứng dịch vụ logistics, Công ty đang tiếp tục hoàn thiện nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong thời kỳ hội nhập ngày càng sâu rộng, nói cách khác là đủ khả năng cạnh tranh với những công ty logistics đa quốc gia.

Về dịch vụ khai thác kho cảng, sản lượng container thông qua Cảng ICD Transimex tăng đáng kể (316.200 TEU – So với 279.300 TEU năm 2013), đặc biệt là dịch vụ vận chuyển container bằng xà lan kết nối với các cảng trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Cái Mép cũng tăng rất cao. Trung tâm phân phối Transimex tại Khu Công nghiệp Sóng Thần - Bình Dương đã đạt sản lượng khai thác vượt trên 90% công suất thiết kế và dẫn định hình cơ cấu khách hàng thường xuyên.

Các dịch vụ khác đều có tăng trưởng, các Chi nhánh cũng có nhiều tiến bộ đáng kể, đã chứng tỏ chuỗi cung ứng dịch vụ của Transimex-Saigon ngày càng đa dạng & phát triển.

Về đầu tư phát triển, Công ty đã được cấp giấy phép đầu tư tại Khu Công Nghệ Cao Tp.HCM, diện tích 100.000 m² để thực hiện dự án Kho ngoại quan và Dịch vụ hậu cần Khu công nghệ cao Transimex. Dự án này sẽ đóng góp kịp thời vào tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn đầu tư phát triển dự án Trung tâm logistics Transimex-Saigon tại Đà Nẵng với quy mô diện tích đất là 1,6 HA, dự kiến đưa vào khai thác vào cuối năm 2015.

Năm 2015 là năm Việt nam sẽ hội nhập sâu rộng hơn với khu vực & quốc tế (cộng đồng kinh tế Asean có hiệu lực từ 12/2015, FTA có hiệu lực với hầu hết các nước/ khu vực, TPP ...), thị trường dịch vụ logistics theo cam kết với WTO gần như mở cửa hoàn toàn, Công ty đang xây dựng một kế hoạch kinh doanh mang nhiều tính tích cực, tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án để đưa vào khai thác, mở rộng mạng lưới dịch vụ sâu rộng hơn, đẩy mạnh dịch vụ logistics hàng không, hoàn thiện hơn nữa chuỗi cung ứng dịch vụ logistics.

Chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ nhiệt tình của tất cả Quý cổ đông, đối tác và khách hàng nhằm giúp chúng tôi giữ vững thương hiệu là một trong những Doanh nghiệp dịch vụ Logistics hàng đầu Việt Nam.

Xin kính chúc quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng

Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch HĐQT

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

2014

2014: Transimex-Saigon được xếp hạng là 1 trong 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2014

11/2014: Khai trương tàu Transimex-Saigon 172, có sức chở trọng tải 2.200 tấn/128 teu

11/2014: Hãng tàu Dongjin Shipping (Transimex-Saigon làm đại lý độc quyền) đón tàu Cape Forby đến HCM chuyển đầu tiên, tàu có tổng tải trọng 1.000 TEU, khai thác dịch vụ mới có tên gọi NTX kết nối các nền kinh tế Thái Lan, Việt Nam và Hàn Quốc.

9/2014: Transimex-Saigon được cấp Giấy Chứng nhận đầu tư số 413 041 000080 do Ban Quản lý khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp, dự án đầu tư Kho ngoại quan và Dịch vụ hậu cần Khu công nghệ cao. Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Transimex Hi Tech Park Logistics

4/2014: Khai trương tàu Transimex-Saigon 09, có sức chở trọng tải 1.700 tấn/84 teu

2013

11/4/2013: Hoàn thành dự án Trung tâm Phân Phối Transimex (Transimex DC) và đã đưa vào hoạt động.

10/4/2013: Thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ Phần Transimex-Saigon

8/2013: Làm Đại lý độc quyền cho Hãng tàu Dongjin (Hàn Quốc) - Khai thác tuyến đường vận chuyển hàng Xuất nhập khẩu từ Korea, Hồng Kông, Thái Lan về Việt Nam và ngược lại.

2012

10/2012: Xây dựng Trung tâm Phân Phối Transimex, tổng diện tích 18.000 m², tổng vốn đầu tư: 80.000.000.000 đồng, tại KCN Sóng thần 2, tỉnh Bình Dương. Qui mô dự án: 70.000.000.000 đồng/năm

9/2012: Thành lập Công ty TNHH MTV Trung Tâm Phân Phối Transimex

7/2012: TMS tăng vốn điều lệ lên 230,74 tỷ đồng

4/2012: Ký kết "Thỏa thuận liên kết hợp tác kinh doanh - Hợp tác chiến lược" với Công ty Vinafreight

2011

8/2011: Công bố hoàn thành dự án "Qui hoạch và nâng cấp Cảng ICD Transimex".

7/2011: TMS tăng vốn điều lệ lên 182,75 tỷ đồng

2010

12/2010: Đón nhận Chứng nhận cam kết chất lượng-(HTQLCL) đạt chuẩn ISO 9001:2008 do SGS cấp

10/2010: Khai trương Kho lạnh và Kho mát tại cảng ICD Transimex

7/2010: Đạt giải "Báo cáo thường niên tốt nhất" 2009, do HOSE cấp và kỷ niệm chương "vì thành tích đóng góp liên tục 10 năm đối với ngành chứng khoán Việt Nam"

6/2010: Ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh cảng Hải An - Hải Phòng với Công ty TNHH Vận tải & Xếp dỡ Hải An.

01/2010: Khai trương tàu Transimex-Saigon 06, có sức chở trọng tải 2.400 tấn/128 teu (nay là Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An)

01/2010: TMS tăng vốn điều lệ lên 165,15 tỷ đồng

2009

10/2009: TMS tăng vốn điều lệ lên 132 tỷ đồng

07/2009: TMS tăng vốn điều lệ lên 101 tỷ đồng

04/2009: Tòa nhà TMS|BUILDING chính thức đi vào hoạt động.

03/2009: Thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex-Saigon (TMS PROPERTY) và Công ty TNHH MTV Vận tải giao nhận Ngoại thương (TMS TRANS)

2008

12/2008: TMS tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng

2007

7/2007: Xây dựng cao ốc TMS|BUILDING, tại 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Q. I, Tp. HCM

8/2007: TMS tăng vốn điều lệ lên 63,48 tỷ đồng

2005

Xây mới cầu cảng 180m - cho tàu, xà lan 1.000 DW; xây Kho CFS 2.000 m².

9/2005: TMS tăng vốn điều lệ lên 42,9 tỷ đồng

2004

6/2004: TMS tăng vốn điều lệ lên 33 tỷ đồng

2003

Nhận chứng chỉ ISO 9001-2000.

2002

Khánh thành Cảng thông quan nội địa ICD Transimex.

2000

1/2000: Transimex-Saigon chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo QĐ số: 989/QĐ-TTg, ngày 26/10/1999 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Vốn điều lệ ban đầu: 22 tỷ đồng

Ngày **04/08/2000**, tổng số: 2.200.000 Cổ phiếu của Transimex-Saigon chính thức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM, với mã chứng khoán TMS, giá chào sàn: 14.000 đồng/Cổ phiếu.

1998

Thành lập Cảng trung chuyển ICD Transimex

1996

Mở rộng chức năng hoạt động: Kho CFS, Kho ngoại quan

1993

Lập chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hải Phòng

1989

Là thành viên của Hiệp hội VIFFAS, VCCI, FIATA

1983

Công ty Transimex-Saigon tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, thành lập năm 1983, tại 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q. I, TP. HCM

TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CÁC CHI NHÁNH

TRỤ SỞ CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON

Lầu 9-10, TMS|BUILDING,
172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. HCM
Tel: (84-8) 2220 2888 (16 lines)
Fax: (84-8) 2220 2889
Email: info@transimexsaigon.com
Website: www.transimexsaigon.com

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐỒNG NAI

Số 4D, Phường Bình Đa, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-61) 629 3458 - Fax: (84-61) 629 3485
Email: dno.info@transimexsaigon.com

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI BÌNH DƯƠNG

Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2,
thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
Tel: (84-650) 376 9122 - Fax: (84-650) 376 9121
Email: bdo.info@transimexsaigon.com

CÁC CHI NHÁNH

CN TRANSIMEX-SAIGON tại Hà Nội

23 Trần Xuân Soạn, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Tel: (84-4) 3632 0242 - Fax: (84-4) 3632 0246
Email: tmsnh.info@transimexsaigon.com

CN TRANSIMEX-SAIGON tại HẢI PHÒNG

Phòng 13-14 tầng 3, Tòa nhà Thành Đạt,
Số 3 Lê Thánh Tông, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-313) 355 2735 /36/37/38
Fax: (84-313) 355 2739
Email: tmshp.info@transimexsaigon.com

CN TRANSIMEX-SAIGON tại ĐÀ NẴNG

Số 25-27 Hoàng Văn Thụ, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: (84-511) 356 1587 /88 - Fax: (84-511) 356 1589
Email: tmsdn.info@transimexsaigon.com

CẢNG ICD TRANSIMEX

7/1, Ấp Bình Thọ, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức,
Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3731 1528 - Fax: (84-8) 3731 3079
Email: icd.info@transimexsaigon.com

THÔNG TIN CHUNG



Tên tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON
Tên tiếng Anh	TRANSIMEX-SAIGON CORPORATION
Tên giao dịch	TRANSIMEX-SAIGON
Mã chứng khoán	TMS
Địa chỉ trụ sở chính	Lầu 9 - 10, TMS BUILDING, 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại	+ 84-8-2220 2888 (16 lines)
Fax	+ 84-8-2220 2889
E-mail	info@transimexsaigon.com
Website	www.transimexsaigon.com
Vốn điều lệ	230.738.240.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỉ bảy trăm ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng)
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.073.824 CP
Ngân hàng	Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh TP. HCM
Số tài khoản	VND 007.100.0006146 - USD 007.137.0082671
Giấy đăng ký kinh doanh số	0301874259 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 03/12/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 22, ngày 10/04/2013.

CÔNG TY CON



CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG

Tên chủ sở hữu: Công ty cổ phần Transimex-Saigon
 Tên giao dịch: TMS-TRANS
 Trụ sở: 40 Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Q. 9, TP. Hồ Chí Minh
 Hoạt động: từ 18/03/2009

Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); Dịch vụ đóng gói.

Vốn điều lệ: 28.000.000.000 đồng



CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN TRANSIMEX-SAIGON

Tên chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Transimex-Saigon
 Tên giao dịch: TMS-PROPERTY
 Trụ sở: 172 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
 Hoạt động: từ tháng 03/2009

Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Lưu giữ hàng hóa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Cho thuê máy móc; Thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Chuyển phát.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Tòa nhà TMS|BUILDING, với tổng diện tích xây dựng 8.500 m² (gồm 14 tầng và 2 tầng hầm), trong đó Công ty CP Transimex-Saigon đã sử dụng 2 tầng của cao ốc làm trụ sở chính, 100% diện tích còn lại đã được cho thuê. Đây cũng là nguồn thu ổn định, khá lớn cho Công ty.

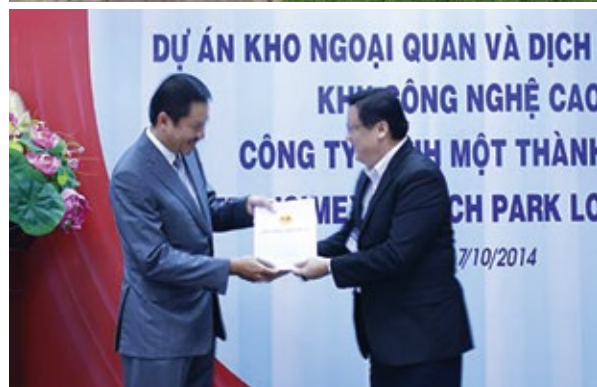


CÔNG TY TNHH MTV TRUNG TÂM PHÂN PHỐI TRANSIMEX

Tên chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Transimex-Saigon
 Tên tiếng Anh: TRANSIMEX DISTRIBUTION CENTER COMPANY LIMITED.
 Tên giao dịch: TRANSIMEX DC
 Trụ sở chính: Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
 Hoạt động: từ tháng 9/2012

Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ kho phân phối hàng hóa. Dịch vụ bao bì, đóng gói, phân phối hàng hóa.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng



CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX HI TECH PARK LOGISTICS

Tên chủ sở hữu: Công ty Cổ Phần Transimex-Saigon
 Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX HI TECH PARK LOGISTICS
 Tên viết tắt: TRANSIMEX SHTP LOGISTICS
 Trụ sở chính: Lô BT, đường D2, Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
 Hoạt động: Từ tháng 9/2014

Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ bốc xếp, đóng gói, phân phối hàng hóa.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng

CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT



CÔNG TY TNHH NIPPON EXPRESS (VIỆT NAM)

Tên giao dịch: NIPPON EXPRESS (VIETNAM) Co., Ltd
Địa chỉ: 364 Cộng Hòa, P. 5.2 & 5.3 Tòa Nhà ETOWN, P. 13,
Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0302065148
Ngày hoạt động: 15/09/2000

Hình thức liên doanh: Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Transimex-Saigon - TMS và Công ty Nippon Express Nhật Bản. Trong đó Transimex-Saigon chiếm 50%, Công ty Nippon Express chiếm 50%.

Hoạt động chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa đường hàng không và đường biển, vận chuyển hàng hóa đường bộ, vận chuyển và lắp đặt máy móc, thiết bị nặng, dịch vụ kho bãi, làm thủ tục hải quan và các dịch vụ Logistics.

Vốn điều lệ: 25.050.000.000 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Tên giao dịch: VINAFREIGHT
Mã CK: VNF
Trụ sở chính: Tòa nhà Vinafreight, A8 Trường Sơn,
Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Ngày hoạt động: từ tháng 1/2002

Ngành, nghề kinh doanh: Dịch vụ giao nhận hàng không, dịch vụ giao nhận đường biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ giá trị gia tăng.

Vốn điều lệ: 56.000.000.000 đồng

Transimex-Saigon sở hữu: 29,91%/ vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tên giao dịch: HAIANTS., JSC
Mã CK: HAH
Trụ sở chính: Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương,
P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Ngày hoạt động: Từ tháng 05/2009

Ngành, nghề kinh doanh: Cung cấp các dịch vụ liên quan đến cảng biển và vận tải hàng hóa nội địa bao gồm: Dịch vụ khai thác cảng biển, dịch vụ vận tải đường biển,...

Vốn điều lệ: 231.962.320.000 đồng

Transimex-Saigon sở hữu: 24,38%/ vốn điều lệ

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Từ năm 1983 đến nay, trải qua 32 năm hình thành và phát triển, hiện nay Công ty Cổ phần Transimex-Saigon vẫn luôn duy trì hoạt động các ngành chính hiện có và mở rộng phát triển thêm các ngành có thế mạnh khác, cụ thể như sau:

- Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ, dịch vụ Logistics.
- Dịch vụ Cảng ICD, kho ngoại quan, kho CFS, kho lạnh, kho DC (Distribution Center) và kho thường. Dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ làm thủ tục Hải Quan; Đại lý

tàu biển và môi giới hàng hóa cho tàu biển trong và ngoài nước.

- Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- Dịch vụ vận tải đường thủy.
- Đầu tư kinh doanh Tài chính - Chứng khoán.
- Dịch vụ cho thuê văn phòng; Đầu tư phát triển các dự án bất động sản.
- Dịch vụ đóng gói, kê ký mã hiệu hàng hóa.
- Dịch vụ vận chuyển hàng quá cảnh.
- Đại lý du lịch, Kinh doanh tổng hợp.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU

Xây dựng Transimex-Saigon trở thành một tập đoàn Logistics đa năng, có phạm vi hoạt động quốc tế, có vị thế hàng đầu Việt Nam; mang lại cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất, hài hòa lợi ích giữa khách hàng, cổ đông và người lao động.

CHIẾN LƯỢC

Giai đoạn 1 (2011-2015): Duy trì và phát triển mô hình Công ty mẹ và Công ty con

Giai đoạn 2 (2016-2020):

- Tiếp tục khẳng định vị thế trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của TRANSIMEX-SAIGON là Logistics, hoàn thiện các điều kiện để trở thành nhà cung cấp dịch vụ Logistics tổng thể hàng đầu Việt Nam;
- An toàn và hiệu quả kinh doanh là mục tiêu hàng đầu;
- Phát triển trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại với nguồn nhân lực chất lượng cao và quản trị theo chuẩn mực quốc tế;
- Phát triển và mở rộng quy mô hoạt động thông qua mua bán sáp nhập và hợp nhất khi có đủ điều kiện.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tính đến ngày 31/12/2014, tổng số lao động của Công ty (bao gồm các Công ty thành viên) là 440 người.

Tuổi đời trung bình của người lao động trong công ty là 36 tuổi, độ tuổi dưới 35 tuổi chiếm 42,9% trong tổng số lao động. Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên chiếm 55% trong tổng số lao động.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác quy hoạch cán bộ quản lý đáp ứng theo tốc độ phát triển của Công ty.

Hoàn thiện quy chế lương – thưởng, cụ thể hóa mức lương, thưởng cho từng CBCNV theo cấp bậc, năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhờ đó đã khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao tay nghề và hiệu quả làm việc.

Chú trọng công tác đào tạo CB-CNV, đặc biệt là cán bộ nguồn, cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ cũng như các kỹ năng mềm.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm và các chế độ khác có liên quan đến người lao động theo quy định bao gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm

thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, trợ cấp nghỉ việc, khám bệnh định kỳ,...

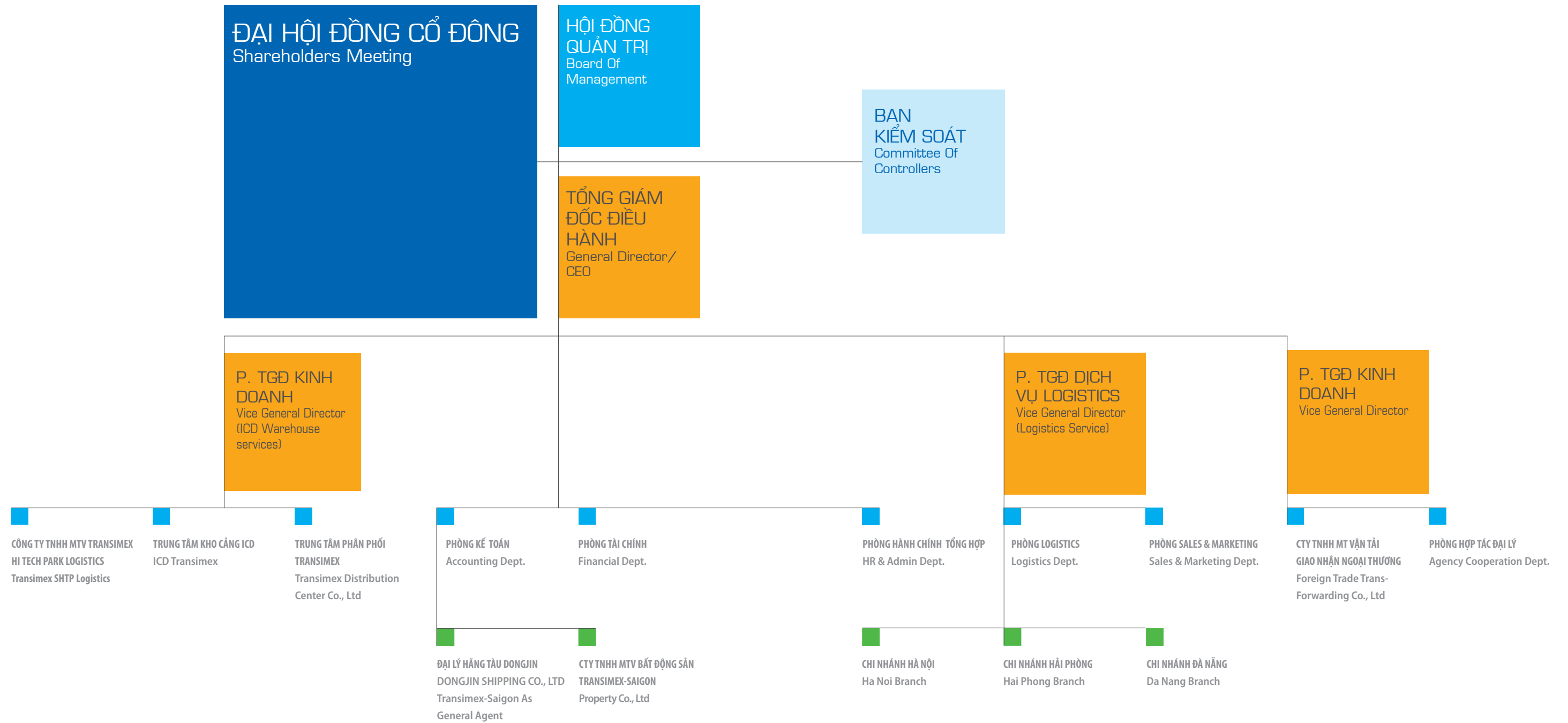
Luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua các hoạt động như: thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ, thăm hỏi ốm đau... Hằng năm, Công ty duy trì tổ chức các hoạt động kỷ niệm: Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6,...tổ chức chương trình nghỉ mát cho CB-CNV.

Thêm vào đó, thỏa ước lao động tập thể được điều chỉnh, bổ sung cập nhật theo Bộ luật lao động năm 2012 đã là bước tiến mới trong chính sách lao động của Công ty, chú trọng đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động phát huy tính sáng tạo, chủ động trong công việc cũng như nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chính sách đó tạo nên một văn hóa doanh nghiệp lành mạnh khuyến khích cán bộ nhân viên nỗ lực làm việc.

Công tác thi đua khen thưởng được chú trọng và ngày càng hoàn thiện, nhiều tập thể, cá nhân xuất sắc được Công ty khen thưởng; các phong trào sáng kiến, cải tiến trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ, chuyên môn nghiệp vụ được khuyến khích và khen thưởng kịp thời.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ORGANIZATION CHART



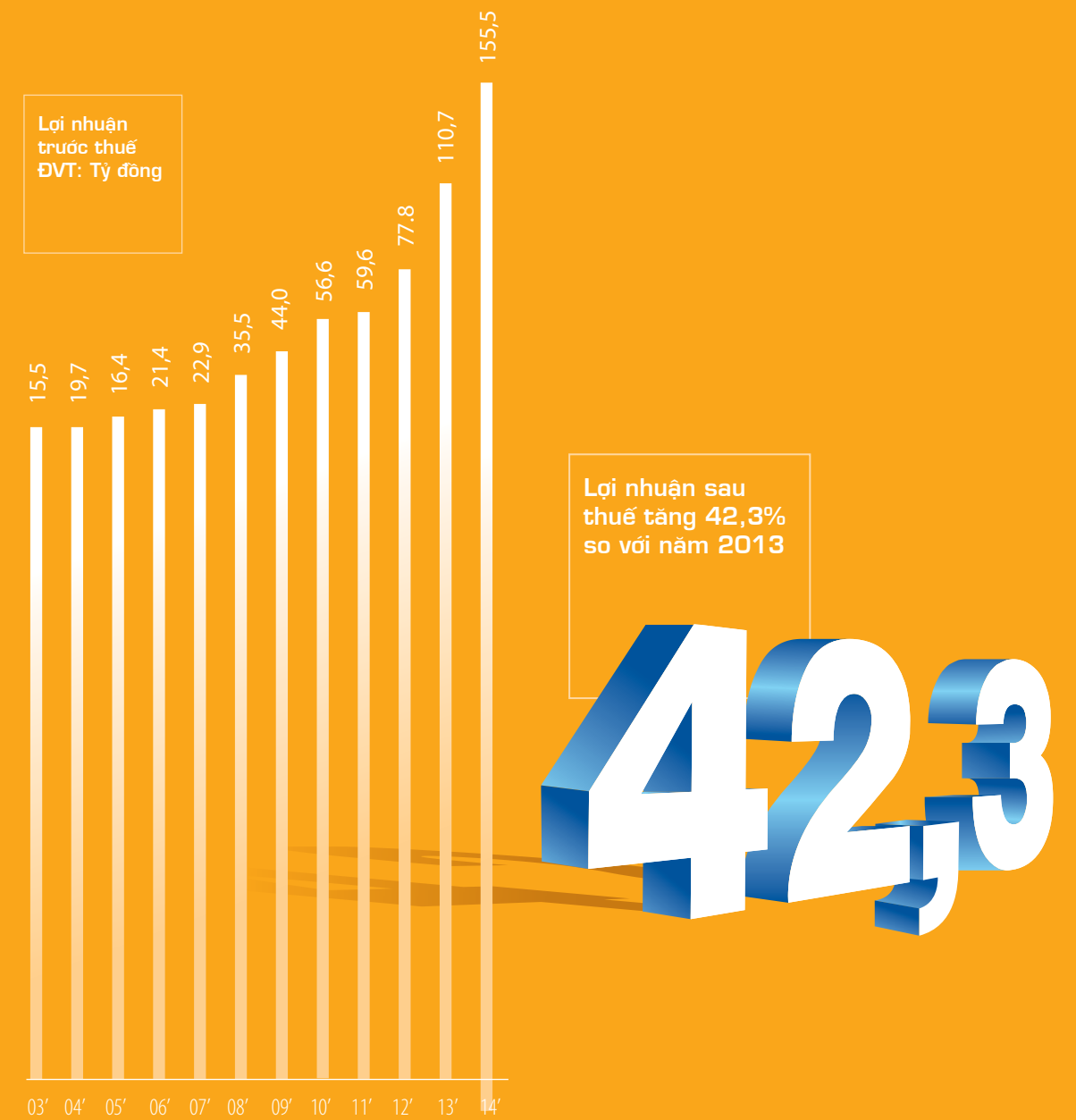
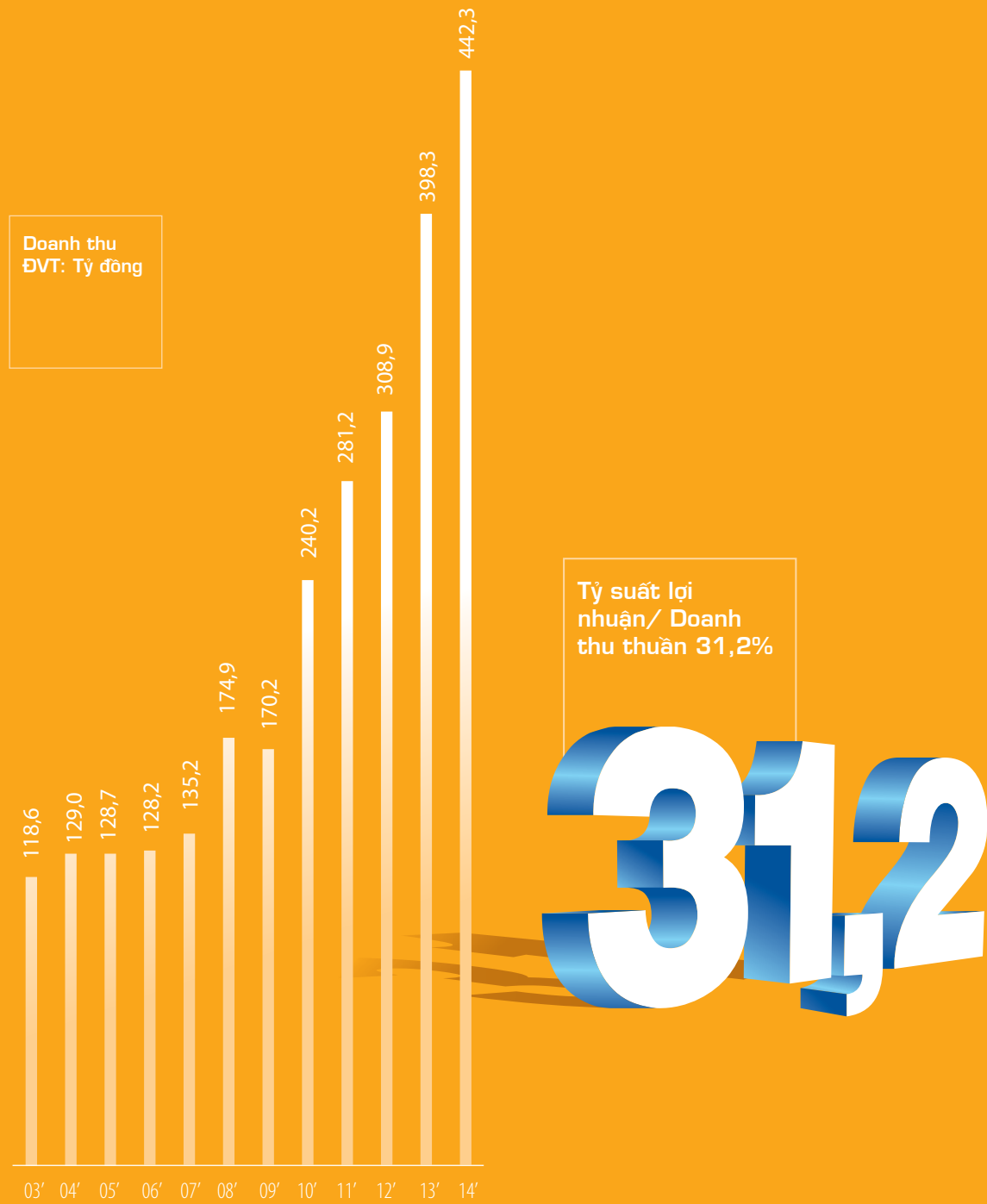


TRUNG TÂM LOGISTICS TRANSIMEX-SAIGON

DOANH THU
THUẦN 2014
(Tỷ đồng)

442,3

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC QUA 12 NĂM (2003-2014)



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	836.510.551.942	1.011.729.067.726	20,95%
Doanh thu thuần	398.368.394.971	442.358.239.378	11,04%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.373.532.146	66.431.585.888	26,84%
Lợi nhuận khác	769.423.078	12.489.731.536	1.523,26%
Lợi nhuận trước thuế	110.700.803.008	155.480.338.328	40,45%
Lợi nhuận sau thuế	97.075.359.346	138.093.881.083	42,25%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	66%		

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán nhanh	1,38 lần	2,02 lần
2	Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,50 lần	2,06 lần
Cơ cấu vốn			
1	Tổng nợ/ Vốn CSH	0,32 lần	35,65%
3	Tổng nợ/ Tổng tài sản	0,24 lần	26,28%
Năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	19,77 lần	32,38 lần
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,50 lần	0,48 lần
Khả năng sinh lời			
1	Tỷ suất LN / Tổng tài sản	11,60%	14,94%
2	Tỷ suất LN / Doanh thu thuần	24,37%	31,22%
3	Tỷ suất LN KD/ Doanh thu thuần	13,15%	15,02%
4	Tỷ suất LN / NV CSH	15,35%	20,04%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

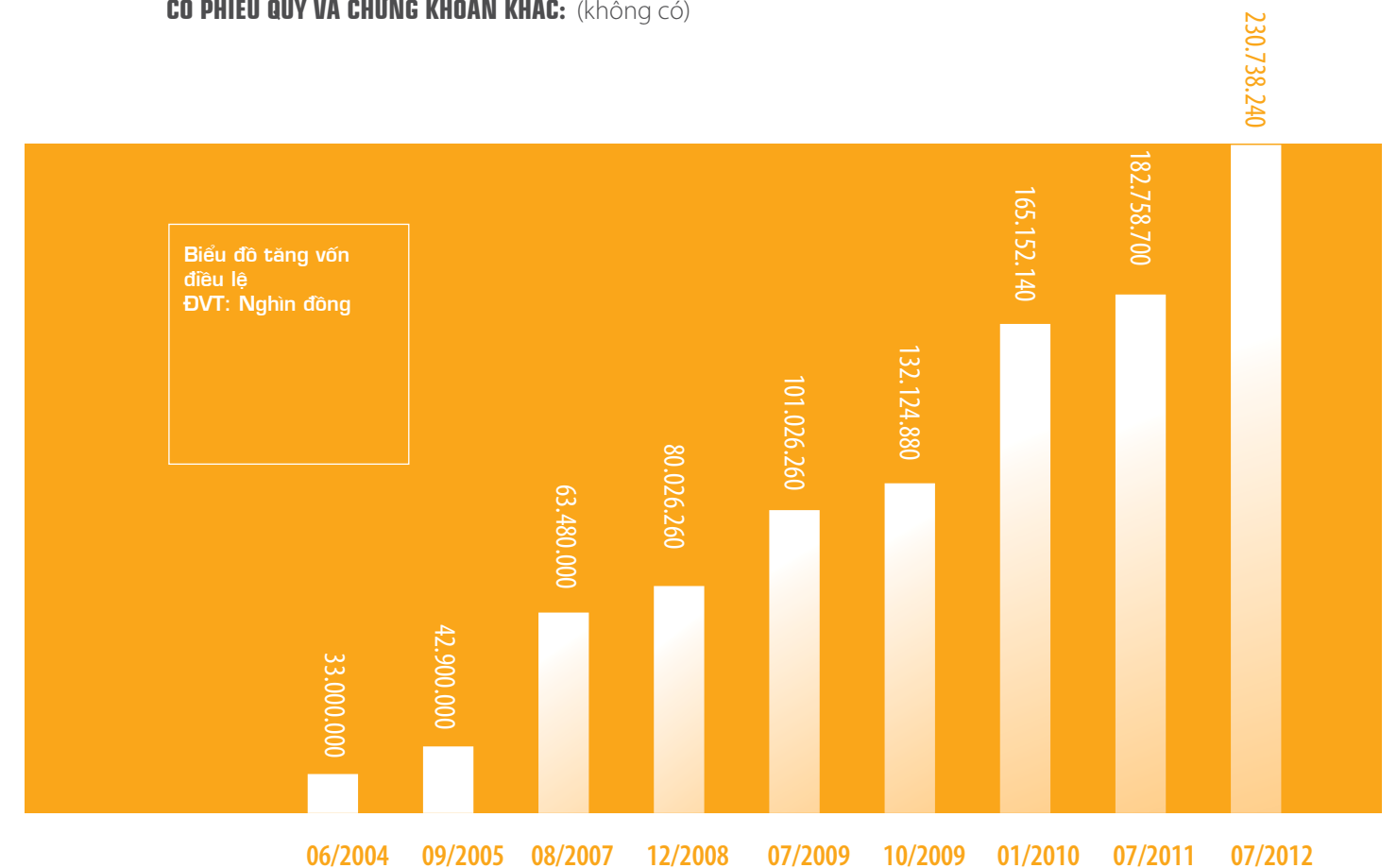
CỔ PHẦN

Số lượng : 23.073.824 cổ phiếu (thông thường)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Tại thời điểm: 12.03.2015)

STT	Diễn giải	Cổ đông lớn		Cổ đông nhỏ		Tổng cộng
		Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	
1	Cổ đông trong nước		3	845	48	896
2	Cổ đông nước ngoài	1	2	157	10	170
3	Cổ đông nhà nước		1			1
4	Cổ đông khác					0
	Tổng cộng	1	6	1.002	58	1.067

CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CHỨNG KHOÁN KHÁC: (không có)



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MEMBER OF BOARD OF MANAGEMENT



1



2



3



4



5



6



7



8



9

/ 01

Ông/Mr. BUI TUẤN NGỌC
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chairman
 Quốc tịch: Việt Nam
Nationality: Viet Nam

/ 02

Ông/Mr. LÊ DUY HIỆP
 Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Vice Chairman
 Quốc tịch: Việt Nam
Nationality: Viet Nam

/ 03

Ông/Mr. VŨ CHINH
 Thành viên Hội đồng quản trị
Member
 Quốc tịch: Việt Nam
Nationality: Viet Nam

/ 04

Ông/Mr. NGUYỄN PHAN DŨNG
 Thành viên Hội đồng quản trị
Member
 Quốc tịch: Việt nam
Nationality: Viet Nam

/ 05

Ông/Mr. NGUYỄN DUY KHÁNH
 Thành viên Hội đồng quản trị
Member
 Quốc tịch: Việt nam
Nationality: Viet Nam

/ 06

Ông/Mr. ĐỖ XUÂN QUANG
 Thành viên Hội đồng quản trị
Member
 Quốc tịch: Việt nam
Nationality: Viet Nam

/ 07

Ông/Mr. TOSHIYUKI MATSUDA
 Thành viên Hội đồng quản trị
Member
 Quốc tịch: Nhật Bản
Nationality: Japan

/ 08

Ông/Mr. HUỖNH MINH THẢO
 Thành viên Hội đồng quản trị
Member
 Quốc tịch: Việt nam
Nationality: Viet Nam

/ 09

Ông/Mr. BUI MINH TUẤN
 Thành viên Hội đồng quản trị
Member
 Quốc tịch: Úc
Nationality: Australia

BAN ĐIỀU HÀNH GENERAL DIRECTOR BOARD

BAN KIỂM SOÁT BOARD OF SUPERVISORS



/ 01

Ông/Mr. LÊ DUY HIỆP
Tổng Giám đốc
General Director

/ 02

Ông/Mr. NGUYỄN CHÍ ĐỨC
Phó Tổng Giám đốc
Vice General Director

/ 03

Ông/Mr. TÔN THẮT HUNG
Phó Tổng Giám đốc
Vice General Director

/ 04

Ông/Mr. NGUYỄN HỒNG SƠN
Phó Tổng Giám đốc
Vice General Director

/ 05

Ông/Mr. LÊ VĂN HÙNG
Kế toán trưởng
Chief Accountant

/ 01

Ông/Mr. NGUYỄN TUẤN ANH
Trưởng ban kiểm soát
Chief Supervisor

/ 02

Bà/Ms. NGUYỄN KIM HẬU
TV Ban kiểm soát
Member

/ 03

Bà/Ms. NGUYỄN BÍCH LIÊN
TV Ban kiểm soát
Member



TRANSIMEX-SAIGON

LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ
(Tỷ đồng)

1555

TRANSIMEX-SAIGON

CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIỂU BAN

Tiểu ban NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG - THƯỜNG

Trưởng Ban: Ông Vũ Chinh (TV. HĐQT độc lập)
Thành viên: Ông Lê Duy Hiệp

Tiểu ban QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH

Trưởng Ban: Ông Nguyễn Phan Dũng
Thành viên: Ông Bùi Minh Tuấn
Ông Nguyễn Duy Khánh

Tiểu ban CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN - ĐẦU TƯ

Trưởng Ban: Ông Bùi Tuấn Ngọc
Thành viên: Ông Đỗ Xuân Quang

Tiểu ban LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Trưởng Ban: Ông Huỳnh Minh Thảo
Thành viên: Ông Lê Duy Hiệp
Ông Toshiyuki Matsuda

NHIỆM VỤ CỦA CÁC TIỂU BAN

Tiểu ban NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG - THƯỜNG

Tham gia và giám sát Ban điều hành công ty các công tác sau:

- Quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty
- Nâng cao năng lực quản trị của Công ty
- Quản lý, theo dõi, kiểm tra mọi công tác nghiệp vụ và việc áp dụng hệ thống quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO của Công ty
- Kiểm soát nội bộ
- Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn cho Công ty
- Đào tạo, nâng cao năng lực của cán bộ quản lý Công ty
- Xây dựng ngân sách lương, thưởng, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị hàng năm.
- Các công việc liên quan đến nhân sự, công tác lao động tiền lương và chế độ thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

Tiểu ban QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH

Tham gia và giám sát Ban điều hành công ty các công tác sau:

- Việc triển khai và thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông

- Tổ chức quản lý, điều hành kinh doanh
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động kinh doanh và quản lý của Công ty
- Quản lý các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty
- Hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn kinh doanh
- Tổng hợp - phân tích tình hình tài chính
- Quy định thu chi và cân đối tài chính
- Phân tích hiệu quả thu chi tài chính
- Quản lý, theo dõi chứng khoán và thị trường chứng khoán
- Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ hàng năm.

Tiểu ban CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN - ĐẦU TƯ

Tham gia và giám sát Ban điều hành công ty các công tác sau:

- Việc triển khai và thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông, dự toán và thực hiện kế hoạch đầu tư của Công ty
- Xây dựng, định hướng chiến lược phát triển kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn
- Phân tích, đánh giá thị trường
- Phát triển, mở rộng thị trường kinh doanh
- Kiến nghị, triển khai các dự án: Đầu tư mới, duy tu bảo dưỡng, khai thác công suất, hiệu suất sử dụng
- Phân tích hiệu quả các dự án đầu tư phát triển kinh doanh
- Quản lý công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.

Tiểu ban LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Tham gia và giám sát Ban điều hành công ty các công tác sau:

- Liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước
- Phân tích hiệu quả các dự án liên doanh, liên kết.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tổng giá trị tài sản:

1.012

tỷ đồng, tăng 20,95%
so với năm 2013

Kính Thưa: Quý Vị Cổ Đông

Hội đồng quản trị báo cáo quý vị cổ đông về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") đối với Ban điều hành công ty ("BĐH") năm 2014 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2015 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2014

Năm 2014, HĐQT và BĐH đã bám sát các mục tiêu đề ra, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ, phát triển các mảng dịch vụ có nhiều tiềm năng.

Kết quả kinh doanh năm tài chính 2014 (Hợp nhất):

- Tổng doanh thu đạt: 442,3 tỷ đồng, tăng 11 % so với thực hiện 2013
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 155,5 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện 2013 (Năm 2014, LNTT từ bán đất Đà Nẵng và thanh lý xe đầu kéo là 12,5 tỷ).
- Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu năm 2014: 35%

Các Công ty liên doanh, liên kết của Transimex-Saigon hoạt động hiệu quả cao, đặc biệt, Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An (tỷ lệ sở hữu 24,38%) đạt lợi nhuận rất cao, tăng 63% so với năm 2013. Công ty CP Vinafreight (tỷ lệ sở hữu 29,9%) đạt lợi nhuận cao, tăng 42% so với năm 2013. Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Vietnam (tỷ lệ sở hữu 50%) đã đạt được kết quả kinh doanh khá, cụ thể, lợi nhuận trước thuế năm 2014 tăng 2,5% so với năm 2013.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

1) Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"):

HĐQT nhiệm kỳ 4 (2013-2018) gồm 9 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập.

HĐQT đã bổ nhiệm Ông Nguyễn Phan Dũng làm thành viên HĐQT thay thế Ông Phạm Trường Sơn, từ nhiệm từ ngày 31/3/2014, được Đại hội cổ đông thường niên 2013-2014 ngày 18/4/2014 thông qua.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong vai trò xây dựng định hướng chiến lược tổng thể và mục tiêu hoạt động của Công ty, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2) Các hoạt động của Hội đồng Quản trị HĐQT 2014:

Để thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, HĐQT Công ty đã tiến hành triển khai hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết của HĐQT đều có sự thống nhất của các Thành viên và được lưu giữ theo đúng quy định. Cụ thể, trong HĐQT 2014, HĐQT đã có 14 phiên họp và ban hành 53 quyết định, cụ thể như sau:

- 15 quyết định liên quan đến cơ cấu tổ chức, nhân sự;
- 10 quyết định liên quan đến đầu tư phục vụ hoạt động kinh doanh logistics của Công ty;
- 18 quyết định liên quan đến đầu tư tài chính và các hoạt động tài chính khác;
- 10 quyết định liên quan đến các hoạt động khác của Công ty.

Trong năm 2014, HĐQT đã phối hợp với Ban kiểm soát kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ngân sách theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Về cơ cấu tổ chức và nhân sự, HĐQT đã có các quyết định sau:

- Thông qua việc sáp nhập Phòng Kế hoạch đầu tư vào Phòng Tổ chức hành chính, đổi tên thành Phòng Hành chính Tổng hợp
- Thông qua việc thành lập Phòng Dịch vụ đại lý Container

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hồng Sơn làm Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Tái bổ nhiệm Hội đồng thành viên và bổ nhiệm kiểm soát viên Công ty Bất động sản Transimex
- Thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Transimex Hi Tech Park Logistics tại Khu Công nghệ cao, 100% vốn của Transimex-Saigon
- Bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên và kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics
- Thông qua vấn đề thay đổi nhân sự Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS-Trans)
- Và một số quyết định khác

Về tài chính, HĐQT đã tập trung kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, giảm thiểu tối đa chi phí sử dụng vốn và sử dụng nguồn vốn hiệu quả, cơ cấu danh mục đầu tư, cắt giảm các hạng mục đầu tư không hiệu quả. HĐQT cũng đã triển khai thực hiện phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, huy động 100 tỷ đồng, triển khai phương án phát hành 692.215 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP).

Về đầu tư, HĐQT đã quyết định đầu tư 03 xà lan và thiết bị cho dịch vụ vận tải hàng siêu trường siêu trọng, góp vốn cùng Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An mua 02 tàu Container. HĐQT cũng đã có quyết định mang tính chiến lược, đầu tư dự án Kho ngoại quan và dịch vụ hậu cần tại khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, với diện tích 10HA, phương án đầu tư sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014-2015 thông qua. Ngoài ra, HĐQT còn quyết định đầu tư Dự án Trung tâm Logistics Transimex-Saigon tại Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Đà Nẵng với quy mô diện tích đất là 1.6 HA nhằm phát huy vai trò của Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng trong việc khai thác dịch vụ logistics trong khu vực Hành lang kinh tế Đông - Tây.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (“ĐHĐCĐ”) THƯỜNG NIÊN 2013-2014:

Năm 2014, HĐQT đã triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013-2014, kết quả như sau:

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
Kế hoạch chia cổ tức (18%-21%)	Công ty chưa thực hiện chia cổ tức
Lựa chọn Đơn vị kiểm toán cho NĐTTC 2014.	Đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn (A & C)
Thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành, Cán bộ chủ chốt của Công ty 5% phần vượt kế hoạch của lợi nhuận sau thuế hợp nhất.	Chưa thực hiện
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	Đã hoàn thành vào tháng 2/2015
Kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng cho CB-CNV Công ty	Đã thực hiện vào tháng 2/2015

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VÀ HỖ TRỢ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH:

- HĐQT đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành (BDH) trong công tác tìm kiếm khách hàng mới cũng như cung cấp các thông tin về thị trường và khách hàng tiềm năng.
- Chỉ đạo BDH thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, quản trị rủi ro, tăng cường các nguyên tắc và quy chế quản trị Công ty, hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ, quy chế quản lý chi phí, quản trị nhân sự. Tập trung cắt giảm chi phí toàn diện

của tất cả các Phòng ban, Đơn vị trực thuộc, nhằm giảm giá dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh

- Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT được BDH thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với BDH.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT được triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

V. BÁO CÁO THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014 (TRƯỚC THUẾ):

ĐVT: VNĐ

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao	Ghi chú
1	Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	146.666.664	
2	Lê Duy Hiệp	Phó CT. HĐQT	80.000.004	
3	Vũ Chinh	Thành viên HĐQT	66.666.672	
4	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	66.666.672	
5	Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT	73.611.112	
6	Đỗ Xuân Quang	Thành viên HĐQT	66.666.672	
7	Huỳnh Minh Thảo	Thành viên HĐQT	66.666.672	
8	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	66.666.672	
9	Nguyễn Phan Dũng	Thành viên HĐQT	50.000.004	
Tổng cộng			683.611.144	

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014-2015, để xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Phần đầu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2015:
+ Doanh thu: 462 tỷ đồng, tăng 4,5% so với thực hiện năm 2014;
+ LNTT: 150,5 tỷ đồng, bằng 97% so với thực hiện năm 2014 (Nếu loại trừ phần LNTT từ bán đất Đà Nẵng và thanh lý xe đầu kéo trong năm 2014 thì LNTT năm 2015 tăng so năm 2014 là 5,2%).
- Tiếp tục tập trung phát triển và hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics bằng các biện pháp sau:
+ Tập trung chỉ đạo BDH thực hiện và hoàn thành đúng tiến độ dự án Kho ngoại quan và dịch vụ hậu cần tại khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và dự án Trung tâm Logistics Transimex-Saigon tại Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Đà Nẵng;
+ Tối đa hoá hiệu quả của Cảng ICD Transimex, Trung tâm phân phối (TMS DC) và các dự án đầu tư được hoàn thành trong năm 2015;
+ Tiếp tục đầu tư vào các Công ty cùng ngành nghề có tiềm năng phát triển và có các dịch vụ hỗ trợ cho Công ty;
+ Tiếp tục nghiên cứu đầu tư những trung tâm Logistics, kho bãi tại những vị trí tiềm năng và nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ logistics cho các Chi nhánh của Công ty, tiến đến hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics của toàn Công ty.

- Tiếp tục chỉ đạo, hỗ trợ BDH tìm kiếm thêm các dự án mới.
- Thực hiện các hoạt động tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Quản lý có hiệu quả việc đầu tư tại các công ty liên doanh, liên kết thông qua các hình thức kết nối về dịch vụ, hợp tác kinh doanh và tham gia công tác quản trị ... nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Hội đồng quản trị đánh giá cao và cảm ơn sự tận tâm, nỗ lực của BDH, toàn thể CB-CNV công ty, đã đóng góp để Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2014.

Hội đồng quản trị tin chắc rằng, với sự ủng hộ nhiệt tình của Quý cổ đông, Quý khách hàng trong và ngoài nước, sự hỗ trợ của đối tác chiến lược, cùng sự nỗ lực của HĐQT, BDH và toàn thể cán bộ nhân viên, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2015.

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch HĐQT



Bùi Tuấn Ngọc

SẢN LƯỢNG HÀNG TTDV VẬN CHUYỂN SÀ LAN VÀ VẬN TẢI CONTAINER ĐƯỜNG BỘ:

TT DV Vận chuyển Sà Lan (Teu)					Vận tải Container đường bộ(Teu)				
KH 2014	TH 2014	TH 2013	(% TH 2014 so với)		KH 2014	TH 2014	TH 2013	(% TH 2014 so với)	
			KH NĂM	CÙNG KỲ				KH NĂM	CÙNG KỲ
52.000	75.150	50.508	145	149	30.800	31.660	29.006	103	109

Ghi chú: SL (Teu) = SI chuyển x2 (Thông thường 1 chuyển cont 40')

SẢN LƯỢNG HÀNG LÀM ĐẠI LÝ VẬN TẢI BIỂN:

Vận chuyển Quốc tế (Teu)					Vận chuyển nội địa HCM-HPG-HCM (Teu)				
KH 2014	TH 2014	TH 2013	(% TH 2014 so với)		KH 2014	TH 2014	TH 2013	(% TH 2014 so với)	
			KH NĂM	CÙNG KỲ				KH NĂM	CÙNG KỲ
-	7.781	-	-	-	-	348	-	-	-

2. Về thực hiện các chỉ tiêu về tài chính:

Kết quả kinh doanh năm tài chính 2014 (Hợp nhất):

- Tổng doanh thu đạt: 442,3 tỷ đồng, tăng 11% so với thực hiện 2013
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 155,5 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện 2013 (Năm 2014, LNTT từ bán đất Đà Nẵng và thanh lý xe đầu kéo là 12,5 tỷ)
- Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu: 35%

3. Về thực hiện các dịch vụ cốt lõi của Công ty:

3.1. Hoạt động kinh doanh dịch vụ, phát triển thị trường:

a. Cảng ICD Transimex - Trung Tâm dịch vụ vận chuyển xà lan: Năm 2014, ICD Transimex tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ truyền thống của mình (Dịch vụ xếp dỡ lưu container, Kho CFS, Kho ngoại quan, Kho lạnh/mát), đưa công suất khai thác lên mức tối đa, sản lượng container xếp dỡ thông qua Cảng ICD Transimex đạt mức 316.200 TEU (tăng 13% so với năm 2013). Trung Tâm dịch vụ vận chuyển xà lan đã vận chuyển được 75.150 TEU (tăng 49% so với năm 2013); dịch vụ của trung tâm này kết nối giữa ICD Transimex với các cảng trong khu vực & các cảng khu vực Cái Mép đáp ứng nhất định nhu cầu của các hãng tàu, khách hàng, làm phong phú thêm chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics của Transimex-Saigon nói chung.

b. Các phòng nghiệp vụ (Phòng Logistics, Phòng Hợp tác đại lý, Dịch vụ Đại lý Container):

- Tháng 11/2014, hãng tàu Dongjin Shipping đã đưa tàu Container mang tên "Cape Forby"-sức chở 1.150 TEU vào khai thác tại cảng Cát Lái, cùng với những dịch vụ hiện hữu đang khai thác, hiện đã có tổng cộng 5 services hàng tuần (bao gồm HCM & Hải Phòng) đưa sản lượng khai thác xuất nhập lên bình quân 500 teu/tuần. Phòng Dịch vụ Đại lý Container kết hợp với Trung Tâm DV Vận chuyển Xà lan khai thác tuyến nội địa do Công ty CP Vận tải & Xếp dỡ Hải An làm nhà tổ

chức khai thác chính cũng với mục đích hoàn thiện thêm chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics của Transimex-Saigon.

- Phòng Logistics và Phòng HTĐL tiếp tục duy trì và phát triển việc cung cấp dịch vụ cho những khách hàng truyền thống, tìm kiếm được nhiều khách hàng mới, ổn định. Mở rộng dịch vụ, tiếp tục tăng cường dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng, hàng dự án.
- Tháng 8/2014, Transimex-Saigon đã được bổ nhiệm làm Cargo Agent cho Hãng Hàng Không Quốc Gia Việt Nam và hiện đang đẩy mạnh công tác Sales, phối hợp với các dịch vụ hiện hữu của đối tác của Transimex-Saigon (Công ty CP Vinafreight & Công ty Vector Aviation) để đẩy mạnh dịch vụ Logistics hàng không.
- Các chi nhánh trực thuộc: Chi Nhánh Đà Nẵng đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra, Chi Nhánh Hà Nội & Hải Phòng đã tiếp tục hoàn thiện về tổ chức bộ máy, dịch vụ, phương tiện để có thể thực hiện dịch vụ một cách hoàn hảo.
- Các Công ty Thành viên:
 - Công ty TMS Property: TMS Building vẫn duy trì hoạt động tốt, khai thác 100% công suất của tòa nhà, không để xảy ra sự cố nào.
 - Công ty TMS DC: ngày càng nâng cao công suất khai thác, hiện đã gần đạt công suất tối đa, mặt khác đã dẫn định hình về loại hàng hóa cũng như khách hàng.
 - Công ty Vận tải TMS: Năm 2014 đã có lãi, tiếp tục đầu tư tăng thêm 10 đầu xe để khai thác nhằm tăng doanh thu lợi nhuận cũng như năng lực vận tải đối với yêu cầu từ những khách hàng lớn ổn định.
- Các Công ty liên kết, liên doanh: Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP Chiếu Xạ An Phú nhưng vẫn bảo toàn vốn và có lãi. Các công ty như VNF, Vector Aviation (VNF sở hữu 90% vốn điều lệ) sau khi tái cơ cấu nhân sự, tiết giảm chi phí, thay

đổi cơ cấu khách hàng .. đã đạt kết quả tốt trong năm 2014, Công ty CP Vận Tải & Xếp Dỡ Hải An đạt kế hoạch ngân sách ngay khi hết tháng 10, khai thác vượt công suất. Công ty LD Nippon Express vẫn giữ đà tăng trưởng lâu nay, Công ty đã đầu tư & đưa vào khai thác Dự Án Trung tâm kho vận Amata (Khu CN Amata-Tỉnh Đồng Nai).

3.2. Về tổ chức & hoàn thiện đội ngũ nhân sự, bộ máy:



- Thành lập Phòng Dịch vụ đại lý Container làm Tổng đại lý (độc quyền) cho hàng tàu Dongjin - Hàn Quốc (Bao gồm TPHCM - Hà Nội - Hải Phòng).
- Tinh gọn cơ cấu tổ chức, sáp nhập Phòng Kế hoạch đầu tư vào Phòng Hành chính tổng hợp
- Định biên triệt để nhân sự trong toàn công ty, đặc biệt là Chi nhánh Hà nội và Hải phòng. Tính đến tháng 31/12/2014, tổng số lao động Cty mẹ: 347 người, TMS Property: 05 người, TMS-Trans: 58 người, TMS DC: 29 người, TMS SHTP: 01 người

3.3. Về kết quả hoạt động (Lợi nhuận trước thuế của các Công ty có vốn đầu tư của TMS, các Công ty liên doanh, liên kết năm 2014):

- Công ty Liên doanh Nippon Express (Vietnam): 94,3 tỷ, tăng 2,5% so với năm 2013
- Công ty CP Vận tải & Xếp dỡ Hải An (HAH): 135,7 tỷ, tăng 63% so với năm 2013
- Công ty CP Vinafreight (VNF): 58,3 tỷ, tăng 42% so với năm 2013

người lao động, như đóng BHXH, BHYT, BHTN, trả lương cho CNVC-LĐ đúng chế độ chính sách, phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục chăm lo cho đời sống người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ công tác xã hội từ thiện và thực hiện trách nhiệm cộng đồng.

3.4. Hoạt động đoàn thể và cộng đồng:

- Công đoàn cơ sở đã tham gia cùng Ban điều hành thực hiện tốt các chế độ chính sách cho

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH DỊCH VỤ NĂM 2015

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2015:

1. Chỉ tiêu về sản lượng:

SẢN LƯỢNG GIAO NHẬN HÀNG HÓA XNK

Hàng Bằng Đường Hàng Không (Tấn)			Hàng bằng đường biển		
KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)			
1.510	1.025	147			
Hàng nguyên Cont (Teu)			Hàng Lẻ (M3)		
KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)	KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)
17.570	16.005	110	46.282	74.202	62

SẢN LƯỢNG HÀNG QUA CẢNG ICD TRANSIMEX & DV KHO BÃI CHUNG

Cảng ICD (CY)					
Hàng nguyên Cont (Teu)			Cont Rỗng (Teu)		
KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)	KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)
181.000	199.114	91	110.000	117.055	94
Kho CFS (M3)			Kho Lạnh (Tấn)		
KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)	KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)
303.000	299.207	101	31.500	33.858	93
Kho Ngoại Quan (M3)					
	KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)		
Nhập Khẩu	42.102	48.120	87		
Xuất khẩu	20.620	16.463	125		

Ghi chú: SI TH trên = SI của KNQ ICD + KNQ DC

Trung Tâm Phân Phối (Tấn)			
	KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)
Nhập kho	54.035	29.801	181
Xuất kho	51.286	33.186	155

SẢN LƯỢNG HÀNG TTDV VẬN CHUYỂN SÀ LAN VÀ VẬN TẢI CONTAINER ĐƯỜNG BỘ:

TT DV Vận chuyển Sà Lan (Teu)					
KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)			
81.000	75.150	108			
Vận tải Container đường bộ (Teu)		Vận tải đường bộ khác (Tấn)			
KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)	KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)
38.386	31.660	121	205.053	89.280	230

Ghi chú: SL (Teu) = SI chuyển x 2 (Thông thường 1 chuyển= cont 40')

SẢN LƯỢNG HÀNG LÀM ĐẠI LÝ VẬN TẢI BIỂN:

Vận chuyển Quốc tế (Teu)			Vận chuyển nội địa HCM-HPG-HCM (Teu)		
KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)	KH 2015	TH 2014	Tỷ Lệ (%)
18.644	7.781	240	1.000	348	287

2) Chỉ tiêu về tài chính:

Phần đầu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2015:

- Doanh thu: 462 tỷ đồng, tăng 4,5% so với thực hiện năm 2014;
- LNTT: 150,5 tỷ đồng, bằng 97% so với thực hiện năm 2014 (Năm 2014, LNTT từ bán đất Đà Nẵng và thanh lý xe đầu kéo là 12,5 tỷ). Nếu loại trừ phần LNTT từ bán đất Đà Nẵng và thanh lý xe đầu kéo trong năm 2014 thì LNTT năm 2015 tăng so năm 2014 là 5,2%.

NHỮNG MỤC TIÊU TẬP TRUNG TRONG NĂM 2015:

Tiếp tục hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics của Transimex-Saigon bảo đảm kết nối được chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics trên toàn quốc, nâng cao khả năng cạnh tranh, sẵn sàng cho đương đầu với tình hình khi Cộng Đồng kinh tế Asean 2015 có hiệu lực cũng như cam kết WTO đã mở cửa hoàn toàn về dịch vụ Logistics, cụ thể các biện pháp thực hiện như sau:

- Về Hàng dự án: Bên cạnh việc mua sắm thiết bị làm hàng dự án, Công ty sẽ tập trung phát triển mối quan hệ với các nhà thầu có tiếng trong ngành dự án, nhất là các dự án liên quan đến điện lực.
 - Về kho vận: Tập trung thực hiện đúng tiến độ dự án đầu tư Kho ngoại quan và dịch vụ hậu cần công nghệ cao & Dự án Trung tâm Logistics Transimex-Saigon tại Đà Nẵng. Chuẩn bị kế hoạch khai thác, tiếp thị cho các dự án này đảm bảo có doanh thu ngay khi đưa vào khai thác. Khai thác tối đa các hạ tầng, phương tiện, dịch vụ hiện hữu như Cảng ICD Transimex, Công Ty TMS TRANS, cải tiến tăng khả năng chất xếp tại Kho TMS DC nhằm tăng doanh thu lợi nhuận. Với thế mạnh là nhà khai thác kho và vận tải với nguồn lực mạnh và sẵn có, cộng thêm các đầu tư mới liên quan đến việc phát triển kho – bãi tại TP HCM, Đà Nẵng và sắp tới là Hà Nội – Hải Phòng, Transimex-Saigon đặt mục tiêu kết nối chuỗi cung cấp dịch vụ kho và vận tải trên toàn quốc. Bên cạnh đó, tích cực phát triển các mối quan hệ với các công ty nước ngoài có tiếng trong ngành, thu hút sự hợp tác của các đối tác để phát triển kinh doanh, thu hút thêm nguồn hàng và hỗ trợ thêm cho mục tiêu học hỏi và nâng cao trình độ nghiệp vụ của công ty theo với tầm quốc tế.
 - Về dịch vụ Freight Forwarding: Đây là mảng dịch vụ cần thiết phải phát triển mạnh của công ty. Do không có được hệ thống toàn cầu của riêng mình như các công ty đa quốc gia, Transimex-Saigon phải tự lực và tích cực tìm đến các đối tác tin cậy ở các thị trường mục tiêu và tiềm năng, thông qua các hiệp hội logistics trong nước và quốc tế, cũng như các website chuyên hỗ trợ cho các mối kết nối này, để tạo lập một hệ thống làm hàng tương đối hoàn chỉnh, chuyển đến các khách hàng các dịch vụ không thể thiếu trong khái niệm logistics như các dịch vụ thông quan tại nơi đi và nơi đến, vận tải nội địa, hỗ trợ vấn đề thuế hải quan, chuỗi giao hàng door-to-door...
 - Về dịch vụ logistics hàng không: Tập trung tăng cường kinh doanh mảng dịch vụ Logistics hàng không bảo đảm sản lượng tối thiểu yêu cầu của Vietnam Airlines, tăng cường hợp tác có hiệu quả với VNF/Vector trong phát triển bán dịch vụ hàng không. Với lợi thế có các mối quan hệ tốt với các hãng hàng không, các GSA, Transimex-Saigon sẽ xây dựng đội ngũ bán hàng và đội ngũ làm hàng đường hàng không mạnh, chinh phục thị trường nhạy cảm này, tập trung phát triển các khách hàng tiềm năng, có liên quan đến các ngành có thể sử dụng đường hàng không nhiều như may mặc, giày, công nghệ cao, thiết bị điện tử...
 - Về công nghệ thông tin: Đầu tư hệ thống phần mềm có thể tích hợp được tất cả các hoạt động của công ty, kết nối tất cả các hoạt động của các phòng ban, có hệ thống báo cáo chính xác và kịp thời đến Ban Lãnh đạo, hỗ trợ cần thiết cho các hoạt động kinh doanh của công ty, đồng thời đáp ứng yêu cầu của những khách hàng lớn.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tuyển dụng bổ sung các vị trí cán bộ quản lý để đáp ứng được mục tiêu phát triển dịch vụ logistics mạnh mẽ trên toàn quốc, cụ thể:
- Bổ sung nhân sự cho Phòng Sales & Marketing, phát triển đội ngũ sales mạnh, năng động, tích cực để hỗ trợ các phòng ban cũng như các đối tác của TMS có thêm dịch vụ, nguồn hàng; hoàn thiện về hoạt động, chức năng, nhiệm vụ nhằm đáp ứng yêu cầu khi Dự Án Kho ngoại quan và Dịch vụ hậu cần Công nghệ cao hoàn thành, cũng như tăng cường khai thác có hiệu quả những dịch vụ hiện hữu của Công ty.
 - Thực hiện tái cơ cấu mạnh mẽ tại Chi Nhánh Hà Nội & Hải Phòng, Công Ty TMS Trans, tuyển dụng nhân sự lãnh đạo trẻ, có năng lực, nhiệt tình cho các Chi nhánh.
 - Tiếp tục hoàn thiện về nhân sự cho Phòng DVĐL Container nhằm đáp ứng yêu cầu tăng sản lượng & của Chủ tàu Dongjin Shipping.
 - Tiếp tục công tác đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên như gửi đi học các khóa đào tạo Nghiệp Vụ Hàng Không, Hàng hóa nguy hiểm, Thuế, Chứng Khoán và các khóa đào tạo về kỹ năng mềm...
 - Xây dựng chính sách lương mềm dẻo, nâng cao lợi ích của người lao động để tạo sự gắn bó và trung thành của nhân viên đối với công ty, cũng như thu hút được các nhân tài trên thị trường, từ các đối thủ cạnh tranh về đóng góp cho sự phát triển và thành công của công ty.

Tổng giám đốc



Lê Duy Hiệp

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm Soát được quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Transimex-Saigon.

Ban Kiểm Soát (BKS) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2015 báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2014 của Công ty cổ phần Transimex-Saigon như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Về mặt nhân sự, sau khi ông Nguyễn Công Hiếu từ nhiệm Ban kiểm soát ngày 01/04/2014 thì Ban kiểm soát đã đề cử bà Nguyễn Bích Liên tham gia và được ĐHČĐ 2014 thông qua. Hiện tại BKS bao gồm 3 thành viên độc lập không kiêm nhiệm tại công ty.

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra, rà soát chi tiết hoạt động quản trị và kinh doanh theo quy.

Đại diện Ban kiểm soát đã được mời và tham gia đầy đủ vào 14 cuộc họp trong năm của HĐQT cũng như đóng góp ý kiến về tình hình kinh doanh cũng như các định hướng phát triển của Công ty.

Ban kiểm soát cũng thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của công ty với Ban điều hành.

II. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Hoạt động quản trị:

HĐQT nhiệm kỳ 4 giai đoạn 2013-2018 có sự thay

ĐVT: đồng

Chỉ Tiêu	2013	2014	Tăng/giảm
DT Bán hàng và cung cấp dịch vụ	398.368.394.971	442.358.239.378	+ 11%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	110.700.803.008	155.480.338.328	+ 40%

Với kết quả kinh doanh của Công ty như trên có thể nhận thấy sự tăng trưởng khá tốt của đơn vị trong năm vừa qua.

đổi về nhân sự khi ông Phạm Trường Sơn từ nhiệm ngày 31/3/2014. HĐQT đã đề cử ông Nguyễn Phan Dũng tham gia và được ĐHČĐ 2014 thông qua.

Hội Đồng Quản Trị ("HĐQT") đã triển khai các nghị quyết của ĐHČĐ giao và tiến hành họp thường xuyên, theo sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty và có những chính sách kịp thời tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám Đốc điều hành kinh doanh phù hợp với những biến động của thị trường.

Tình hình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

Căn cứ trên nghị quyết ĐHČĐ ngày 18/4/2014, ngày 28/10/2014 HĐQT đã thông qua nghị quyết phát hành 692.215 cổ phiếu thường (tương đương 3% vốn điều lệ) với giá 10.000 đ/cp cho cán bộ công nhân viên và ban hành quy chế phát hành. Số cổ phiếu này đã được phát hành cho 279 CBNV.

Ngày 3/11/2014 công ty cũng đã triển khai việc phát hành 100 tỷ trái phiếu chuyển đổi như ĐHČĐ 2014 đã thông qua.

Hoạt động kinh doanh:

Trong năm vừa qua, Công ty phải đối mặt với những khó khăn chung của tình hình thế giới và trong nước về suy thoái kinh tế nhưng HĐQT và Ban điều hành đã nỗ lực thực hiện các nghị quyết của các Đại hội thường niên để ra với những kết quả khả quan như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 đã hợp nhất như sau:

Tình hình đầu tư trang thiết bị và xây dựng lớn trong năm:

Trong năm công ty đã tiến hành đầu tư 03 xà lan và thiết bị cho dịch vụ vận tải hàng siêu trường siêu trọng.

Tình hình đầu tư phát triển

Trong năm công ty đã thông qua việc gia tăng tỷ lệ

sở hữu tại các công ty cùng ngành nghề là CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An và CTCP Vinafreight.

Đầu tư góp vốn mua tàu container với CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An.

Thoái vốn tại CTCP Chiếu xạ An Phú.

III. BÁO CÁO THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014:

ĐVT: đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	66.666.672	
2	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	53.333.328	
3	Nguyễn Bích Liên	Thành viên	35.555.552	Từ tháng 5/2014
Tổng cộng			155.555.552	

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Mặc dù trong năm vừa qua tình hình thị trường gặp nhiều khó khăn cho hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam và ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động lớn đến các doanh nghiệp xuất khẩu và các doanh nghiệp dịch vụ Logistics, nhưng với kết quả đã đạt được trên đây đã thể hiện sự cố gắng lớn của toàn thể toàn thể CBCNV và sự năng động của Hội đồng Quản trị cũng như Ban Tổng Giám Đốc trong công tác điều hành đã tìm mọi biện pháp khắc phục khó khăn nhằm đạt hiệu quả cao và mở rộng trong hoạt động kinh doanh của Đơn vị.

- Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động năm 2014 của Công ty Transimex-Saigon.
- Công ty đã tuân thủ các quy trình hoạt động theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ, các yêu cầu của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

- Ban kiểm soát cơ bản thống nhất với ý kiến của kiểm toán rằng các Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2014 trình ĐHČĐ thường niên năm 2015. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban điều hành và các Bộ phận Phòng ban Công ty Cổ phần Transimex-Saigon đã tạo điều kiện tốt để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian qua.

Trưởng Ban kiểm soát



Nguyễn Tuấn Anh



LỢI NHUẬN
SAU THUẾ
(Tỷ đồng)

138,1



Headquarters: 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho: 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0279/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Các Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và
Ban Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần TRANSIMEX-SAIGON

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Transimex-Saigon, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2015, từ trang 51 đến trang 89, bao gồm: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex-Saigon (Công ty mẹ) và các Công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn) gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc

kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế

độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0954-2013-008-1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex-Saigon (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

KHÁI QUÁT VỀ TẬP ĐOÀN

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Transimex-Saigon (tên trước đây là Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – Tp. Hồ Chí Minh) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Công ty kho vận giao nhận ngoại thương theo Quyết định số 989/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301874259 (số cũ 056651)

đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 10 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 230.738.240.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 02 tháng 8 năm 2000 với mã chứng khoán là TMS.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 22 202 888

Fax : (84-8) 22 202 889

E-mail : info@transimexsaigon.com

Mã số thuế : 0301874259

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Mua bán đồ gỗ gia dụng, gốm, sứ, hàng mỹ nghệ, sản phẩm cao su, sản phẩm mây tre lá, công nghệ phẩm, dệt da may, hàng trang trí nội thất.
- Mua bán nông, lâm sản.
- Mua bán nông, lâm thủy hải sản, thực phẩm chế biến, nguyên liệu; thực phẩm công nghệ.
- Mua bán hóa chất (trừ kinh doanh hóa chất có tính độc hại mạnh); nông dược các loại (trừ thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật).
- Cửa hàng bách hóa.
- Mua bán vải sợi.
- Mua bán vật liệu xây dựng.
- Mua bán xe.
- Cho thuê văn phòng.
- Sửa chữa máy móc thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Chuyển phát.
- Đại lý du lịch.

Tỷ trọng LNNT
/Tổng doanh thu năm 2014:

35%

Các đơn vị trực thuộc:

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ
Chi nhánh Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại Hà Nội	Phòng 1702 tòa nhà 17T4, đường Hoàng Đạo Thúy, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại Hải Phòng	Phòng 8, tầng 1 tòa nhà Thành Đạt, số 3 Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại Đà Nẵng	25-27 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Trạm giao nhận hàng không	54 Trần Quốc Hoàn, P. 4, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Trung tâm kho cảng ICD Transimex	7/1 ấp Bình Thọ, P. Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện tại Bình Dương	Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Văn phòng đại diện tại Đồng Nai	Số 4D, Phường Bình Đa, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Transimex-Saigon theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đại lý giao nhận; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào và Trung Quốc; Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS (tập kết, thu

gom hàng lẻ xuất khẩu), kho ICD (địa điểm thông quan nội địa); Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển.

- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường bộ.
- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường biển.
- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường hàng không.
- Dịch vụ đóng gói, kê ký mã hiệu hàng hóa cho các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác.



- Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công nông nghiệp; máy văn phòng; điện máy; phương tiện vận tải; nông ngư cơ.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương	7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307821849 ngày 18 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	100%
Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex – Saigon	172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309428263 ngày 14 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	100%
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị	Lô số D11, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000374 ngày 13 tháng 01 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp. Công ty đã giải thể ngày 20 tháng 10 năm 2014	70%
Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex	Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Giấy chứng nhận đầu tư số 46211000926 ngày 12 tháng 9 năm 2012 do Ban quản lý các KCN Bình Dương cấp	100%
Công ty TNHH một thành viên Transimex Hi Tech Park Logistics	Lô BT, đường D2, Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đầu tư số 413041000080 ngày 29 tháng 9 năm 2014 do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh cấp	100%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 51 đến trang 89).

Trong năm, Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã chi cổ tức năm 2013 và tạm phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2014 như sau

Trích quỹ đầu tư phát triển	5.823.458.644 VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.270.536.339 VND
Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị	1.164.691.729 VND
Chia cổ tức bằng tiền mặt (06% mệnh giá)	13.844.294.400 VND
Cộng	25.102.981.112 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Transimex-Saigon trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	29 tháng 3 năm 2008	-
Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch	01 tháng 9 năm 2011	-
Huỳnh Minh Thảo	Thành viên	29 tháng 3 năm 2008	-
Vũ Chinh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2009	-
Phạm Trường Sơn	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	31 tháng 3 năm 2014
Đỗ Xuân Quang	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	-
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	26 tháng 4 năm 2013	-
Toshiyuki Matsuda	Thành viên	26 tháng 4 năm 2013	-
Bùi Minh Tuấn	Thành viên	26 tháng 4 năm 2013	-
Nguyễn Phan Dũng	Thành viên	31 tháng 3 năm 2014	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban	26 tháng 4 năm 2013	-
Nguyễn Công Hiếu	Thành viên	26 tháng 4 năm 2013	01 tháng 4 năm 2014
Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	26 tháng 4 năm 2013	-
Nguyễn Bích Liên	Thành viên	18 tháng 4 năm 2014	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Lê Duy Hiệp	Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2009	-
Nguyễn Trí Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2008	01 tháng 4 năm 2014
Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2008	-
Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2011	-
Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2014	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014,

cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		270.203.877.832	204.664.166.877
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	172.007.046.256	90.511.826.514
1. Tiền	111		92.007.046.256	16.511.826.514
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	74.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.727.471.664	25.903.125.666
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.723.287.892	27.287.439.923
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(995.816.228)	(1.384.314.257)
III. Các khoản phải thu	130		65.650.342.290	57.083.358.642
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	45.266.677.138	47.459.800.563
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	14.122.955.309	2.435.351.784
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	6.391.544.455	7.591.779.815
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(130.834.612)	(403.573.520)
IV. Hàng tồn kho	140		5.466.390.151	16.097.167.964
1. Hàng tồn kho	141	V.8	5.466.390.151	16.097.167.964
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.352.627.471	15.068.688.091
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	3.993.972.165	5.527.272.433
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.413.285.129	1.323.065.320
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	9.945.370.177	8.218.350.338
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		741.525.189.894	631.846.385.065
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.11	20.000.000.000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp Theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		309.197.603.594	280.554.886.521
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	248.265.157.233	226.055.108.761
<i>Nguyên giá</i>	222		438.177.304.223	393.774.512.407
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(189.912.146.990)	(167.719.403.646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	42.768.346.449	47.148.262.693
<i>Nguyên giá</i>	228		45.983.008.000	48.691.848.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.214.661.551)	(1.543.585.307)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	18.164.099.912	7.351.515.067
III. Bất động sản đầu tư	240	V.15	68.188.265.345	70.906.733.345
<i>Nguyên giá</i>	241		84.498.175.910	84.498.175.910
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(16.309.910.565)	(13.591.442.565)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		338.468.059.145	273.545.955.433
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	338.468.059.145	273.545.955.433
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.671.261.810	6.838.809.766
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	3.661.027.007	4.449.465.916
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	1.788.171.063	2.211.355.110
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	222.063.740	177.988.740
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.011.729.067.726	836.510.551.942

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		265.872.030.986	203.467.668.068
I. Nợ ngắn hạn	310		131.034.914.873	136.887.861.936
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	80.486.541.230	65.571.336.035
2. Phải trả cho người bán	312	V.21	10.608.124.655	27.931.284.549
3. Người mua trả tiền trước	313		-	443.184.000
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.22	8.415.889.952	5.098.890.093
5. Phải trả người lao động	315	V.23	5.125.689.536	3.534.572.326
6. Chi phí phải trả	316	V.24	6.036.056.323	6.871.412.933

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.25	14.721.622.210	25.172.121.434
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	5.640.990.967	2.265.060.566
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		134.837.116.113	66.579.806.132
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323	V.27	6.179.672.924	6.037.672.164
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.28	128.657.443.189	60.510.869.969
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325	V.29	-	31.263.999
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		745.857.036.740	632.236.740.291
I. Vốn chủ sở hữu	410		745.857.036.740	632.236.740.291
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	230.738.240.000	230.738.240.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	161.021.127.853	161.021.127.853
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.30	46.151.822.280	40.328.363.636
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	11.703.947.109	11.703.947.109
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.30	296.241.899.498	188.445.061.693
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	-	806.143.583
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.011.729.067.726	836.510.551.942

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		403.573.520	-
5. Ngoại tệ các loại:			
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		121.005,87	72.656,39
<i>Dollar Hongkong (HKD)</i>		2.500,00	2.500,00
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Hoàng Long
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	442.358.239.378	398.368.394.971
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	442.358.239.378	398.368.394.971
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	349.122.817.918	318.316.709.498
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.235.421.460	80.051.685.473
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.203.868.408	8.454.669.983
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.669.384.375	11.396.301.364
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		9.871.173.873	10.957.640.956
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	330.691.938	1.167.814.719
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	24.007.627.667	23.568.707.227
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.431.585.888	52.373.532.146
11. Thu nhập khác	31	VI.7	31.267.630.683	2.145.448.880
12. Chi phí khác	32	VI.8	18.777.899.147	1.376.025.802
13. Lợi nhuận khác	40		12.489.731.536	769.423.078
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	V.16	76.559.020.904	57.557.847.784
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		155.480.338.328	110.700.803.008
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	17.500.861.250	14.133.553.608
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.18, 29	391.920.048	(490.897.145)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		137.587.557.030	97.058.146.545
18.1. <i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</i>	61		(506.324.053)	(17.212.801)
18.2. <i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	62		138.093.881.083	97.075.359.346
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	5.985	4.207

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Hoàng Long
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		155.480.338.328	110.700.803.008
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, 13, 15, 26	31.083.326.582	32.172.857.202
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 7	(257.663.417)	341.726.950
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(112.406.236)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.16; VI.3, 7, 8	(96.345.350.492)	(68.713.312.020)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.871.173.873	10.957.640.956
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		99.719.418.638	85.459.716.096
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.327.382.453)	(45.031.440.715)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.630.777.813	(1.586.068.759)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.971.539.490)	5.902.260.065
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.630.530.947	(87.614.216)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9.840.161.982)	(10.957.640.956)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(13.985.233.641)	(13.902.208.399)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		568.839.200	3.422.985.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.849.705.627)	(9.913.514.685)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		65.575.543.405	13.306.473.431
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, 14; VII	(81.774.051.664)	(52.875.167.928)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7; VII	26.527.999.791	1.062.566.323
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	5.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.16	(24.956.146.436)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.16	31.399.001.463	28.150.398.610
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3; V.6	6.468.038.616	7.573.066.413
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(37.335.158.230)	(16.089.136.582)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20, 28	189.507.981.894	120.405.201.452
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20, 28	(106.446.203.479)	(93.309.420.974)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25, 30	(29.917.004.384)	(21.595.109.476)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		53.144.774.031	5.500.671.002
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		81.385.159.206	2.718.007.851
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	90.511.826.514	87.793.818.663
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		110.060.536	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	172.007.046.256	90.511.826.514

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Hoàng Long
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần Transimex-Saigon bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex-Saigon (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ:
Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Dịch vụ hàng hải, dịch vụ cho thuê văn phòng

3. Ngành nghề kinh doanh:

Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ; Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ

hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển; Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc; Dịch vụ đóng gói và kê ký mã hiệu hàng hóa cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Sửa chữa máy móc thiết bị (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí trụ sở); Chuyển phát.

4. Tổng số các công ty con: 05

Trong đó:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất:-

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương	7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex-Saigon	172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị	Lô số D11, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	70,00%	70,00%
Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex	Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên Transimex Hi Tech Park Logistics	Lô BT, đường D2, Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Nippon Express Việt Nam	364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	24,66%	24,66%
Công ty cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty cổ phần vận tải ngoại thương)	A8 Trường Sơn P.02, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	29,99%	29,99%
Transimex - Cambodia Company Limited	Suite 09/10B/79, Regency Square, Street 205, SK.Tomnoubteok, KH.Chamkamon, Phnompenh, Cambodia	50,00%	50,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 440 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 428 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex-Saigon (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông

thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 15
Tài sản cố định hữu hình khác	05

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 30 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (32 năm).

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng

loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

16. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí liên quan đến Tòa nhà TMS

Các chi phí liên quan đến tòa nhà bao gồm các chi phí phát sinh cho việc ngầm hóa, di dời trước Tòa nhà TMS được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Thẻ hội viên chơi golf

Chi phí đăng ký thẻ hội viên chơi golf được phân bổ vào quỹ thưởng của Ban điều hành quản lý theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 02 năm.

17. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

18. Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại các công ty trong Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại các công ty trong Tập đoàn không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

19. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

Mục đích

- Quỹ đầu tư phát triển: Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
- Quỹ dự phòng tài chính: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi Khen thưởng, khuyến

khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên các công ty trong Tập đoàn.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển

đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2013:	21.083 VND/USD
	2.699 VND/HKD
31/12/2014:	21.338 VND/USD
	2.704 VND/HKD

24. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.10.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và

được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.940.418.013	1.155.569.694
Tiền gửi ngân hàng (*)	90.066.628.243	15.356.256.820
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	80.000.000.000	74.000.000.000
Cộng	172.007.046.256	90.511.826.514

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

(*) Trong số dư tiền gửi ngân hàng có khoản tiền gửi 66.122.087.676 VND là thu tiền phát hành trái phiếu chuyển đổi không có bảo đảm đang bị tạm phong tỏa do chưa thực hiện xong việc phát hành trái phiếu chuyển đổi.

2. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		10.723.287.892		22.287.439.923
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	6	155.218	6	155.218
Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú (APC)	-	-	1.241.320	17.226.541.952
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	-	-	17.000	355.707.996
Công ty cổ phần giao nhận vận tải và thương mại (VNL)	205.510	4.757.770.894	63.140	819.210.957
Công ty cổ phần đại lý vận tải Safi (SFI)	46.910	974.895.900	46.910	974.895.900
Công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương (VNT)	69.800	2.556.810.620	18.000	477.272.640
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh nhà Intresco (ITC)	177.390	2.325.451.130	177.390	2.325.451.130
Công ty cổ phần Sông Ba (SBA)	15.750	96.741.250	15.750	96.741.250
Công ty cổ phần cao su Phước Hòa (PHR)	400	11.462.880	400	11.462.880
Đầu tư ngắn hạn khác		-		5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm		-		5.000.000.000
Cộng		10.723.287.892		27.287.439.923

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú (APC) và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI) giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần giao nhận vận tải và thương mại (VNL): tăng do mua thêm 142.370 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 3.938.559.937 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương (VNT): tăng do mua 51.800 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.079.537.980 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.384.314.257)	(1.042.587.307)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(341.726.950)
Hoàn nhập dự phòng	388.498.029	-
Số cuối năm	(995.816.228)	(1.384.314.257)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của hoạt động giao nhận hàng hóa	11.457.789.415	17.921.039.329
Phải thu của hoạt động kho vận, vận tải	30.604.659.701	27.486.939.791
Phải thu của hoạt động cho thuê văn phòng và hoạt động khác	3.204.228.022	2.051.821.443
Cộng	45.266.677.138	47.459.800.563

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp dịch vụ	5.712.155.309	2.088.613.784
Các nhà cung cấp mua sắm tài sản cố định	8.410.800.000	346.738.000
Cộng	14.122.955.309	2.435.351.784

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản chi hộ	4.168.606.733	6.960.515.926
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	275.344.444	631.263.889
Các khoản phải thu khác	1.947.593.278	-
Cộng	6.391.544.455	7.591.779.815

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(403.573.520)	(403.573.520)
Trích lập dự phòng bổ sung	(130.834.612)	-
Xử lý xóa nợ	403.573.520	-
Số cuối năm	(130.834.612)	(403.573.520)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.585.752.453	3.293.733.611
Công cụ, dụng cụ	-	69.262.726
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.880.637.698	12.734.171.627
Cộng	5.466.390.151	16.097.167.964

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.350.266.340	3.777.980.873
Chi phí bảo hiểm	448.571.292	400.499.327
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	39.982.274	24.293.750
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.155.152.259	1.324.498.483
Cộng	3.993.972.165	5.527.272.433

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	6.686.439.111	7.390.738.661
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	2.978.508.644	469.043.456
Tài sản thiếu chờ xử lý	280.422.422	358.568.221
Cộng	9.945.370.177	8.218.350.338

11. Phải thu dài hạn khác

Công ty cổ phần Transimex-Saigon góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HĐHTKD ngày 12 tháng 3 năm 2014 và Hợp đồng số 16/HĐHTKD ngày 25 tháng 9 năm 2014 để mua hai tàu container chuyên dụng thực hiện dịch vụ vận tải. Các bên được chia lợi nhuận và gánh chịu mọi rủi ro từ hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ vốn góp của các bên.

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	176.301.015.596	133.333.333	186.379.578.335	30.394.977.883	565.607.260	393.774.512.407
Mua sắm mới	383.490.000	-	60.300.458.235	174.209.344	-	60.858.157.579
Phân loại lại	-	-	290.000.000	(290.000.000)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.861.460.000)	(133.333.333)	(14.267.710.958)	(192.861.472)	-	(16.455.365.763)
Số cuối năm	174.823.045.596	-	232.702.325.612	30.086.325.755	565.607.260	438.177.304.223
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.716.789.032	-	46.619.990.865	6.981.621.304	565.607.260	73.884.008.461
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	46.735.504.948	106.666.665	105.379.823.743	14.931.801.030	565.607.260	167.719.403.646
Khấu hao trong năm	8.480.384.170	15.555.554	15.313.943.772	3.036.369.510	-	26.846.253.006
Phân loại lại	(229.245.303)	-	979.878.616	(750.633.313)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.562.952.225)	(122.222.219)	(2.775.473.746)	(192.861.472)	-	(4.653.509.662)
Số cuối năm	53.423.691.590	-	118.898.172.385	17.024.675.755	565.607.260	189.912.146.990
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	129.565.510.648	26.666.668	80.999.754.592	15.463.176.853	-	226.055.108.761
Số cuối năm	121.399.354.006	-	113.804.153.227	13.061.650.000	-	248.265.157.233
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 106.063.515.954 VND và 95.513.910.234 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	46.994.240.000	32.500.000	1.665.108.000	48.691.848.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.708.840.000)	-	-	(2.708.840.000)
Số cuối năm	44.285.400.000	32.500.000	1.665.108.000	45.983.008.000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	32.500.000	216.478.000	248.978.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	922.612.504	32.500.000	588.472.803	1.543.585.307
Khấu hao trong năm	1.383.918.756	-	287.157.488	1.671.076.244
Số cuối năm	2.306.531.260	32.500.000	875.630.291	3.214.661.551
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	46.071.627.496	-	1.076.635.197	47.148.262.693
Số cuối năm	41.978.868.740	-	789.477.709	42.768.346.449
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 44.285.400.000 VND và 41.978.868.740 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	7.042.723.297	28.201.084.888	(15.196.115.000)	(1.883.593.273)	18.164.099.912
XDCB dở dang	46.500.000	-	-	(46.500.000)	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	262.291.770	-	-	(262.291.770)	-
Cộng	7.351.515.067	28.201.084.888	(15.196.115.000)	(2.192.385.043)	18.164.099.912

Một số tài sản mua sắm đang chờ ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình có giá trị là 13.004.969.888 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch.

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Nhà cửa, vật kiến trúc	
Nguyên giá	
Số đầu năm	84.498.175.910
Số cuối năm	84.498.175.910
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	13.591.442.565
Khấu hao trong năm	2.718.468.000
Số cuối năm	16.309.910.565
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	70.906.733.345
Số cuối năm	68.188.265.345

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là Tòa nhà TMS tại số 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm cuối năm Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

Bất động sản đầu tư được sử dụng cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	24.928.410.685	24.843.767.791
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	2.718.468.000	3.184.234.344
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

Bất động sản đầu tư đã được thế chấp đảm bảo các khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam – Sở giao dịch.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỉ lệ lợi ích	Giá trị	Tỉ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Dịch vụ vận chuyển	50,00%	165.489.470.616	50,00%	145.027.856.988
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	Dịch vụ hàng hải	24,66%	119.807.979.658	23,99%	90.873.792.849
Công ty cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty cổ phần vận tải ngoại thương) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Dịch vụ hàng hải	29,99%	52.709.352.981	24,83%	37.183.049.706
Transimex - Cambodia Company Limited ^(iv)	Dịch vụ hàng hải	50,00%	461.255.890	50,00%	461.255.890
Cộng			338.468.059.145		273.545.955.433

(i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000240 ngày 22 tháng 5 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty cổ phần Transimex-Saigon đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam 12.525.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã mua 4.687.500 cổ phiếu của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An với giá mua là 71.250.000.000 VND, tương đương 20,21% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã mua thêm 968.750 cổ phiếu với giá mua là 15.500.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Transimex-Saigon nắm giữ 5.656.250 cổ phiếu tương đương 24,38% vốn điều lệ của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An (số đầu năm là 4.687.500 cổ phiếu, tương đương 20,21% vốn điều lệ).

(iii) Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã mua 1.390.400 cổ phiếu của Công ty cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty cổ phần vận tải ngoại thương) với giá mua là 32.609.172.410 VND, tương đương 24,83% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã mua thêm 284.400 cổ phiếu với giá mua và phí mua là 9.456.146.436 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Transimex-Saigon nắm giữ 1.674.800 cổ phiếu tương đương 29,90% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vinafreight (số đầu năm là 1.390.400 cổ phiếu, tương đương 24,83% vốn điều lệ).

(iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 424/BKH-ĐTRNN ngày 23 tháng 2 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã đầu tư vào Transimex - Cambodia Company Limited 461.255.890 VND, tương đương 50,00% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giá trị phần sở hữu phát sinh	Phân lãi hoặc lỗ trong năm	Phân bổ lợi thế thương mại	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Các khoản tăng/ (giảm) khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	145.027.856.988	-	33.885.054.328	-	(11.078.761.463)	(2.344.679.237)	165.489.470.616
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	90.873.792.849	15.500.000.000	31.098.305.788	(1.934.299.092)	(16.000.000.000)	270.180.113	119.807.979.658
Công ty cổ phần Vinafreight	37.183.049.706	9.456.146.436	13.239.779.767	-	(4.320.240.000)	(2.849.382.928)	52.709.352.981
Transimex - Cambodia Company Limited	461.255.890	-	-	-	-	-	461.255.890
Cộng	273.545.955.433	24.956.146.436	78.223.139.883	(1.934.299.092)	(31.399.001.463)	(4.923.882.052)	338.468.059.145

Trong đó, lợi thế thương mại liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An được theo dõi phân bổ như sau:

Nguyên giá	
Số đầu năm	19.342.990.917
Số cuối năm	19.342.990.917
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	5.102.172.957
Phân bổ trong năm	1.934.299.092
Số cuối năm	7.036.472.049
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	14.240.817.960
Số cuối năm	12.306.518.868

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	2.774.063.493	248.267.819	(2.289.592.056)	732.739.256
Chi phí sửa chữa	705.483.978	1.325.612.716	(791.544.184)	1.239.552.510
Chi phí liên quan đến tòa nhà TMS	391.772.068	-	(128.615.832)	263.156.236
Thẻ hội viên chơi golf	-	962.205.000	(160.367.502)	801.837.498
Chi phí trả trước dài hạn khác	578.146.377	494.063.535	(448.468.405)	623.741.507
Cộng	4.449.465.916	3.030.149.070	(3.818.587.979)	3.661.027.007

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.211.355.110	1.720.457.965
Số phát sinh	-	623.557.089
Số hoàn nhập	(423.184.047)	(132.659.944)
Số cuối năm	1.788.171.063	2.211.355.110

19. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	57.981.400.530	49.773.088.380
- Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch (i)	42.747.511.892	49.773.088.380
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (ii)	1.224.990.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (iii)	14.008.898.638	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.28)	22.505.140.700	15.798.247.655
Cộng	80.486.541.230	65.571.336.035

(i) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại Khu công nghiệp Sóng Thần II, phường Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương và nhà kho lưu trữ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại địa điểm này (xem thuyết minh số V.12 và 13); công trình xây dựng Cao ốc văn phòng tại 172 Hai Bà Trưng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex-Saigon (xem thuyết minh số V.15).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	49.773.088.380	99.825.168.239	-	(91.616.856.089)	57.981.400.530
Vay dài hạn đến hạn trả	15.798.247.655	-	21.387.324.692	(14.680.431.647)	22.505.140.700
Cộng	65.571.336.035	99.825.168.239	21.387.324.692	(106.297.287.736)	80.486.541.230

21. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp dịch vụ	10.608.124.655	27.778.146.746
Các nhà cung cấp tài sản cố định	-	153.137.803
Cộng	10.608.124.655	27.931.284.549

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.227.312.530	17.302.952.702	(17.337.230.306)	1.193.034.926
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	104.006.420	(104.006.420)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	549.622.279	(549.622.279)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.267.237.492	17.500.861.250	(13.985.233.641)	6.782.865.101
Tiền thuê đất	251.101.894	551.996.684	(803.098.578)	-
Thuế thu nhập cá nhân (*)	105.324.053	699.858.228	(707.463.600)	97.718.681
Các loại thuế khác	247.914.124	2.156.702.727	(2.062.345.607)	342.271.244
Cộng	5.098.890.093	38.866.000.290	(35.549.000.431)	8.415.889.952

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa khu chế xuất	0 %
- Dịch vụ vận chuyển bốc xếp	10 %
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa	10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Transimex-Saigon	13.213.373.916	8.973.693.336
Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex-Saigon	4.287.446.444	5.159.860.272
Công ty TNHH một thành viên Transimex Hi Tech Park Logistics	40.890	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	17.500.861.250	14.133.553.608

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Quỹ lương chưa chi.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giao nhận hàng hóa	4.577.482.552	5.576.838.571
Chi phí lãi vay	31.011.891	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.876.380	30.000.000
Chi phí phải trả khác	1.374.685.500	1.264.574.362
Cộng	6.036.056.323	6.871.412.933

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	320.264.019	327.502.340
Các khoản thu hộ	10.488.637.768	5.307.091.795
Doanh thu chưa thực hiện	3.171.836.615	3.253.060.425
Cổ tức phải trả	94.331.890	16.167.041.874
Các khoản phải trả khác	646.551.918	117.425.000
Cộng	14.721.622.210	25.172.121.434

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Giảm do khấu hao	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.001.694.672	4.270.536.339	(716.234.760)	-	4.555.996.251
Quỹ khen thưởng phúc lợi hình thành tài sản cố định	1.181.647.653	-	-	(152.470.668)	1.029.176.985
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	81.718.241	1.164.691.729	(1.190.592.239)	-	55.817.731
Cộng	2.265.060.566	5.435.228.068	(1.906.826.999)	(152.470.668)	5.640.990.967

27. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn.

28. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	62.538.323.189	60.510.869.969
- Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch (i)	49.538.323.189	60.510.869.969
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (ii)	13.000.000.000	-
Trái phiếu chuyển đổi (ii)	66.119.120.000	-
Cộng	128.657.443.189	60.510.869.969

(i) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch để đầu tư tài sản cố định và mua nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, ngân hàng thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần kể từ ngày giải ngân và áp dụng cho từng tài khoản rút vốn vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại Khu công nghiệp Sóng Thần II, phường Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương và nhà kho lưu trữ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại địa điểm này và các tài sản khác (xem thuyết minh số V.12, 13 và 14); công trình xây dựng Cao ốc văn phòng tại 172 Hai Bà Trưng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex-Saigon (xem thuyết minh số V.15).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.12).

(iii) Trong năm, Công ty cổ phần Transimex-Saigon phát hành trái phiếu chuyển đổi không có bảo đảm với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, lãi suất 7%/năm với kỳ hạn là 02 năm kể từ ngày phát hành. Thời gian phân phối trái phiếu được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi do Ủy ban chứng khoán Nhà nước có hiệu lực (ngày 30 tháng 10 năm 2014). Tại các thời điểm chuyển đổi, người sở hữu trái phiếu được quyền chuyển đổi thành cổ phiếu theo các điều khoản và điều kiện của trái phiếu của phương án phát hành. Tổng số trái phiếu dự kiến chào bán là 1.000.000.000 trái phiếu. Ngày phát hành để tính lãi là ngày hoàn thành việc thu tiền cuối cùng từ các trái chủ, bao gồm cả phần xử lý trái phiếu từ chối mua và trái phiếu lẻ.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	22.505.140.700	15.798.247.655
Trên 01 năm đến 05 năm	128.657.443.189	60.510.869.969
Cộng	151.162.583.889	76.309.117.624

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	60.510.869.969	23.563.693.655	(21.387.324.692)	(148.915.743)	62.538.323.189
Trái phiếu chuyển đổi	-	66.119.120.000	-	-	66.119.120.000
Cộng	60.510.869.969	89.682.813.655	(21.387.324.692)	(148.915.743)	128.657.443.189

29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	31.263.999	31.263.999
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(31.263.999)	-
Số cuối năm	-	31.263.999

30. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Trong năm, Tập đoàn đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 29.917.004.384 VND (năm trước là 21.595.109.475 VND).

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.073.824	23.073.824
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.073.824	23.073.824
- Cổ phiếu phổ thông	23.073.824	23.073.824
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.073.824	23.073.824
- Cổ phiếu phổ thông	23.073.824	23.073.824
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	806.143.583	823.356.385
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(506.324.053)	(17.212.802)
Thanh lý khoản đầu tư	(299.819.530)	-
Số cuối năm	-	806.143.583

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ giao nhận	220.671.636.602	218.300.454.915
Doanh thu dịch vụ kho vận, sà lan	188.233.784.343	150.793.297.505
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ quản lý	28.381.561.050	28.644.812.627
Doanh thu dịch vụ khác	5.071.257.383	629.829.924
Cộng	442.358.239.378	398.368.394.971

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ giao nhận	192.641.173.065	193.849.855.497
Giá vốn dịch vụ kho vận, sà lan	144.146.111.610	117.549.780.775
Giá vốn cho thuê văn phòng và dịch vụ quản lý	5.142.412.491	4.444.981.856
Giá vốn dịch vụ khác	7.193.120.752	2.472.091.370
Cộng	349.122.817.918	318.316.709.498

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.369.254.171	7.095.327.902
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	251.282.390	179.224.706
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	697.809.684	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.742.865.000	1.109.002.400
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	112.406.236	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.250.927	71.114.975
Cộng	7.203.868.408	8.454.669.983

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.871.173.873	10.957.640.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	53.285.188	58.908.384
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(388.498.029)	341.726.950
Chi phí tài chính khác	133.423.343	38.025.074
Cộng	9.669.384.375	11.396.301.364

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.843.853	789.750.945
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.020.000	14.200.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.244.285	319.840.784
Chi phí khác	6.583.800	44.022.728
Cộng	330.691.938	1.167.814.719

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.427.415.408	12.343.605.743
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.857.800.763	1.265.708.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	341.623.366	448.179.219
Chi phí dự phòng	130.834.612	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.131.543.604	5.986.347.541
Chi phí khác	4.118.409.914	3.524.866.188
Cộng	24.007.627.667	23.568.707.227

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	30.068.499.791	1.100.566.323
Cho thuê tài sản	836.753.221	656.340.004
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	332.614.700
Các khoản thu nhập khác	362.377.671	55.927.853
Cộng	31.267.630.683	2.145.448.880

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	16.394.289.374	45.731.486
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	161.248.545	38.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	362.093.750	12.278.193
Các khoản chi phí khác	1.860.267.478	1.280.016.123
Cộng	18.777.899.147	1.376.025.802

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	138.093.881.083	97.075.359.346
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	138.093.881.083	97.075.359.346
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.073.824	23.073.824
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.985	4.207

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.397.800.973	58.468.007.559
Chi phí nhân công	60.875.925.878	61.713.422.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.083.326.582	30.238.558.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.054.390.967	203.058.740.547
Chi phí khác	11.049.693.123	12.678.059.262
Cộng	373.461.137.523	366.156.787.712

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền có liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	3.540.500.000	-
Mua tài sản cố định, bất động sản đầu tư chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp	-	153.137.803
Trả trước tiền mua tài sản cố định	8.410.800.000	346.738.000

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong số dư tiền gửi ngân hàng có khoản tiền gửi 66.122.087.676 VND là thu tiền phát hành trái phiếu chuyển đổi không có bảo đảm đang bị tạm phong tỏa do chưa thực hiện xong việc phát hành trái phiếu chuyển đổi.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Transimex-Saigon và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Transimex-Saigon – Công ty mẹ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.487.783.087	2.832.449.224
Phụ cấp	44.880.000	24.480.000
Cộng	2.532.663.087	2.856.929.224

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Transimex - Cambodia Company Limited	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty cổ phần vận tải ngoại thương)	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	2.086.150.883	1.170.915.367
Lợi nhuận được chia từ góp vốn tham gia liên doanh	11.078.761.463	15.610.904.500
Transimex - Cambodia Company Limited		
Hoàn trả vốn góp	-	125.544.110
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An		
Lợi nhuận được chia	16.000.000.000	11.718.750.000
Góp vốn	15.500.000.000	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh	20.000.000.000	-
Công ty cổ phần Vinafreight		
Lợi nhuận được chia	2.919.840.000	695.200.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn chỉ có nợ phải thu Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam số tiền 155.746.754 VND (số đầu năm là 436.508.407 VND).

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	182.329.232	-
Trên 1 năm đến 5 năm	11.695.549.530	-
Trên 5 năm	102.725.910.039	-
Cộng	114.603.788.800	-

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	20.546.356.659	11.177.289.839
Trên 01 năm đến 05 năm	31.258.442.974	7.137.225.117
Cộng	51.804.799.633	18.314.514.956

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Logistics: giao nhận, kho vận...
- Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản: cho thuê tòa nhà và quản lý tòa nhà.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.007.046.256	-	-	172.007.046.256
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	43.198.911.040	2.067.766.098	-	45.266.677.138
Các khoản phải thu khác	6.050.299.593	651.299.781	-	6.701.599.374
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.386.218.664	-	2.337.069.228	10.723.287.892
Cộng	229.642.475.553	2.719.065.879	2.337.069.228	234.698.610.660
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.511.826.514	-	-	90.511.826.514
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	46.093.933.161	997.102.842	368.764.560	47.459.800.563
Các khoản phải thu khác	8.204.003.051	-	34.808.960	8.238.812.011
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.379.583.627	-	19.907.856.296	22.287.439.923
Cộng	152.189.346.353	997.102.842	20.311.429.816	173.497.879.011

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Quá hạn dưới 6 tháng	Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm	Cộng
Số cuối năm						
Phải thu khách hàng	-	1.126.081.319	631.145.625	272.210.085	38.329.069	2.067.766.098
Các khoản phải thu khác	165.304.893	-	485.994.888	-	-	651.299.781
Cộng	165.304.893	1.126.081.319	1.117.140.513	272.210.085	38.329.069	2.719.065.879
Số đầu năm						
Phải thu khách hàng	-	519.515.728	321.095.000	156.492.114	-	997.102.842
Cộng	-	519.515.728	321.095.000	156.492.114	-	997.102.842

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp,

giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	80.486.541.230	128.657.443.189	209.143.984.419
Phải trả người bán	10.608.124.655	-	10.608.124.655
Các khoản phải trả khác	17.265.577.899	6.179.672.924	23.445.250.823
Cộng	108.360.243.784	134.837.116.113	243.197.359.897
Số đầu năm			
Vay và nợ	65.571.336.035	60.510.869.969	126.082.206.004
Phải trả người bán	27.931.284.549	-	27.931.284.549
Các khoản phải trả khác	28.462.971.602	6.037.672.164	34.500.643.766
Cộng	121.965.592.186	66.548.542.133	188.514.134.319

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có các giao dịch cung cấp hoặc nhận dịch vụ trong lĩnh vực logistics với các đối tác nước ngoài và đồng tiền giao dịch là ngoại tệ do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	SGD	HKD	USD	SGD	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.005,87	-	2.500,00	72.656,39	-	2.500,00
Phải trả người bán	-	(5.000,00)	-	-	(5.000,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	121.005,87	(5.000,00)	2.500,00	72.656,39	(5.000,00)	2.500,00

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tập đoàn có các khoản vay có lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 143.024.864.419 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 126.082.206.004 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.007.046.256	-	90.511.826.514	-	172.007.046.256	90.511.826.514
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	45.266.677.138	(130.834.612)	47.459.800.563	(403.573.520)	45.135.842.526	47.056.227.043
Các khoản phải thu khác	6.701.599.374	-	8.238.812.011	-	6.701.599.374	8.238.812.011
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.723.287.892	(995.816.228)	22.287.439.923	(1.384.314.257)	11.549.342.000	20.295.665.943
Cộng	234.698.610.660	(1.126.650.840)	173.497.879.011	(1.787.887.777)	235.393.830.156	171.102.531.511

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	209.143.984.419	126.082.206.004	209.143.984.419	126.082.206.004
Phải trả người bán	10.608.124.655	27.931.284.549	10.608.124.655	27.931.284.549
Các khoản phải trả khác	23.445.250.823	34.500.643.766	23.445.250.823	34.500.643.766
Cộng	243.197.359.897	188.514.134.319	243.197.359.897	188.514.134.319

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, các khoản phải trả khác ngắn hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay và phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch của 3 Công ty chứng khoán công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Hoàng Long
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 01 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.738.240.000	161.021.127.853	36.532.173.848	10.438.550.513	136.381.461.955	575.111.554.169
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	97.075.359.346	97.075.359.346
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(36.918.118.400)	(36.918.118.400)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	3.796.189.788	1.265.396.596	(9.709.448.854)	(4.647.862.470)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	1.615.807.646	1.615.807.646
Số dư cuối năm trước	230.738.240.000	161.021.127.853	40.328.363.636	11.703.947.109	188.445.061.693	632.236.740.291
Số dư đầu năm nay	230.738.240.000	161.021.127.853	40.328.363.636	11.703.947.109	188.445.061.693	632.236.740.291
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	138.093.881.083	138.093.881.083
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(13.844.294.400)	(13.844.294.400)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	5.823.458.644	-	(11.258.686.712)	(5.435.228.068)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(5.194.062.166)	(5.194.062.166)
Số dư cuối năm nay	230.738.240.000	161.021.127.853	46.151.822.280	11.703.947.109	296.241.899.498	745.857.036.740

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Hoàng Long
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 02 : THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực Logistics	Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	413.976.678.328	28.381.561.050	-	442.358.239.378
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	18.664.221.932	339.173.388	(19.003.395.320)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	432.640.900.260	28.720.734.438	(19.003.395.320)	442.358.239.378
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	50.023.434.886	18.873.666.969	-	68.897.101.855
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	68.897.101.855	-	68.897.101.855
Doanh thu hoạt động tài chính	-	7.203.868.408	-	7.203.868.408
Chi phí tài chính	-	(9.669.384.375)	-	(9.669.384.375)
Thu nhập khác	-	31.267.630.683	-	31.267.630.683
Chi phí khác	-	(18.777.899.147)	-	(18.777.899.147)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	76.559.020.904	-	-	76.559.020.904
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(17.500.861.250)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(391.920.048)	(391.920.048)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				137.587.557.030
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	84.325.021.598	36.336.263	(7.468.081.324)	76.893.276.537
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	32.113.164.629	2.941.220.600	-	35.054.385.229
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

PHỤ LỤC 02 : THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Năm Trước	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực Logistics	Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	369.723.582.344	28.644.812.627	-	398.368.394.971
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	21.322.738.396	175.319.778	(21.498.058.174)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.046.320.740	28.820.132.405	(21.498.058.174)	398.368.394.971
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.722.036.219	18.593.127.308	-	55.315.163.527
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				55.315.163.527
Doanh thu hoạt động tài chính				8.454.669.983
Chi phí tài chính				(11.396.301.364)
Thu nhập khác				2.145.448.880
Chi phí khác				(1.376.025.802)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	57.557.847.784	-	-	57.557.847.784
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14.133.553.608)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				490.897.145
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				97.058.146.545
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	44.684.791.374	523.703.500	(1.527.594.130)	43.680.900.744
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	33.052.790.948	2.871.671.175	-	35.924.462.123
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

PHỤ LỤC 02 : THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Số Cuối Năm	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực Logistics	Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	558.160.213.999	83.585.151.855	-	641.745.365.854
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				369.983.701.872
Tổng tài sản				1.011.729.067.726
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	247.742.767.256	12.488.272.763	-	260.231.040.019
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				5.640.990.967
Tổng nợ phải trả				265.872.030.986
Số Đầu Năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	478.101.561.452	77.387.347.814	-	555.488.909.266
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				281.021.642.676
Tổng tài sản				836.510.551.942
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	188.119.449.560	13.051.893.943	-	201.171.343.503
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				2.296.324.565
Tổng nợ phải trả				203.467.668.068

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Long
Người lập biểuLê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

Tiếp tục khẳng định vị thế trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của TRANSIMEX-SAIGON là Logistics



MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF THE MANAGEMENT BOARD

Dear shareholders, partners and customers,

The year 2014 marked an important milestone of Transimex-Saigon as it was the first year since establishment of the company (1983), total revenue of TMS exceeded the number of VND 400 billion, reached VND 442,358,239,378, and profit before tax surpassed the number of VND 150 billion, reached VND 155,480,338,328. Above results were further confirmed that Transimex-Saigon's operations have been on the right track.

About the chain of logistics supplying, the company is continuing improving to enhance competitiveness in the market during the period of deeper integration, in other words, the company is more capable of competing with multinational logistics companies.

About terminal operation services, the volume of containers through ICD Transimex is significant increased (reached 316,200 TEU compared with 279,300 TEU of 2013). Especially, the volume via barging to be connected the ports of HCM City and Cai Mep area is also greatly increased. Meanwhile, the volume of cargo handled by Transimex Distribution Center in Song Than 2 Industrial Park in Binh Duong province reached over 90% of designed capacity, and gradually shaping the structure of regular customers.

Other services also achieved growth while all the company's branches gained significant progresses in 2014. Such good performances have resulted from the increasingly diversified development of Transimex-Saigon's services supply chains.

Regarding investment and development, the company has been licensed investment in Saigon Hi-tech Park (SHTP) with area of 100,000 m² to build up Bonded area and Logistics Centre there. This project will contribute timely to grow revenue and profitability of the company. In addition, the company has also invested to build a logistics centre of Transimex-Saigon in Danang in an area of 1.6 hectares, expected to be operational by the end of 2015.

2015 is the year that Vietnam will further integrate with region and international (ASEAN Economic Community will come into effect in December 2015, FTA effected to countries or regions...), the market of logistics services, under WTO commitments, almost fully opened. The company is developing a positive business plan, focusing accelerate the completion of the projects to put into operation, expansion the network of services, promote aviation logistics services, to further improve its supply chain of logistics services.

We hope to continue receiving enthusiastic support and assistance from all shareholders, partners and customers so that we can maintain and develop our brand name as one of the leading providers of logistics services in Vietnam.

Wishing all of you good health, happiness and success!

Sincerely yours,



Bui Tuan Ngoc
Chairman of the Board

BOARD OF MANAGEMENT'S ANNUAL REPORT

Total Assets:

1.012

billion VND,
up 20,95%
compared with 2013

Dear shareholders,

The Board of Management are glad to present this report on the situation of business operation, the direction and supervision of the Board of Management over the Executive Board in 2014, and the operation plan for of the Board of Management in 2015 as follows:

I. BUSINESS RESULT OF 2014

In 2014, the Board of Management and the Executive Board always stuck to the Company's set business objectives and took measures to improve the quality and diversity of services, and development of services with great development potential.

Business Results for the fiscal year 2014 (consolidated):

- Total turnover reached 442,3 billion VND, up 11% compared with 2013
- Profit before tax reached 155,5 billion VND, up 40% compared with 2013 (in 2014, profit before tax from selling land in Danang and liquidating prime movers is 12,5 billion VND)
- Rate of profit before tax / total turnover: 35%

Transimex's joint ventures and associated companies operated at high efficiency during the year. Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company (at which Transimex holds a 24,38% stake) gained a profit growth of 63% from 2013; Vinafreight (at which Transimex holds a 29,9% stake) registered a profit growth of 42% from 2013; and Nippon Express Vietnam joint venture (at which Transimex holds a 50% stake) saw its pre-tax profit rise 2,5% from 2013.

II. ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT IN 2014

1) Members of the Board of Management:

The Board of Management (the 2013-2018 term) comprises of nine members, including three independent ones.

The Board of Management appointed Mr. Nguyen Phan Dung a member of the Board to replace Mr. Pham Truong Son, who resigned on March 31, 2014. This appointment was approved by the 2013-2014 AGM on April 18, 2014.

Committees under the Board are as follows:

- COMMITTEE FOR PERSONEL, SALARY AND BONUS
Head : Mr. Vu Chinh
Member : Mr. Le Duy Hiep
- COMMITTEE FOR BUSINESS ADMINISTRATION AND FINANCE
Head : Mr. Nguyen Phan Dung
Member : Mr. Bui Minh Tuan
Mr. Nguyen Duy Khanh
- COMMITTEE FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT POLICIES
Head : Mr. Bui Tuan Ngoc
Member : Mr. Do Xuan Quang,
- COMMITTEE FOR JOINT VENTURES, ASSOCIATION
Head : Mr. Huynh Minh Thao
Member : Mr. Le Duy Hiep
Mr. Toshiyuki Matsuda

The members of the Board of Management have performed his duties well in building the overall strategic orientation and business objectives of the company, and directing and supervising the Executive Board's activities to help Company optimize its operational efficiency.

2) Activities of the Board of Management in the fiscal year 2014:

In order to perform the tasks assigned by the AGM of Shareholders, the Board of Management carried out activities under the provisions of the Company's Charter and in compliance with the Enterprises Law and other applicable laws.

All meetings of the Board were held and conducted in accordance with the Charter. All Minutes and Resolutions of the Board were agreed by the Members and have been kept in accordance with relevant regulations. Specifically, the Board held 14 meeting and issued 53 decisions in the fiscal year 2014 as follows:

- 15 decisions concerning organizational structure and human resources;

- 10 decisions related to investment in logistics services of the Company;
 - 18 decisions regarding financial investment and other financial activities;
 - 10 decisions on other operations of the Company.
- In 2014, the Board of Management coordinated with the Supervisory Board in inspecting the implementation of budget targets under the resolutions of the AGM. Regarding the organizational structure and staffing, the Board has issued the following decisions:
- Merging the Planning and Investment Department and the Administration and Organization into a new Department named the General Administration Department;
 - Establishing the Container Agent Services Department;
 - Appointing Mr. Nguyen Hong Son Deputy General Director of the Company;
 - Re-appointing the Board of Members and appointing supervisors of Transimex Real Estate Company;
 - Setting up Transimex Hi-Tech Park Logistics One Member Co., Ltd., of which the entire capital is owned by Transimex-Saigon, at the Saigon Hi-Tech Zone;
 - Appointing authorized representatives to the Board of Members and supervisors of the Transimex Hi-Tech Park Logistics One Member Co., Ltd.;
 - Approving the changes of personnel of the Board of Members of the Foreign Trade Trans-Forwarding Company Limited (TMS-Trans);
 - Regarding a number of other issues

DECISIONS OF THE AGM OF SHAREHOLDERS	RESULTS
Dividend distribution plan (18%-21%)	The Company has yet to made dividend distribution
Selection of the Auditor for the fiscal year 2014	The Company chose Auditing and Consulting Co., Ltd. (A&C)
Rewarding the Board of Management, the Supervisory Board, the Executive Board, and key staff of the Company with bonus that accounts for 5% of the amount in excess of the target of consolidated after-tax profit.	Not yet implemented
Issuing convertible bonds	Completed in February 2015
Plan to issue bonus shares to staff	Implemented in February 2015

IV. SUPERVISION OF AND SUPPORT TO THE EXECUTIVE BOARD'S ACTIVITIES:

- The Board of Management closely monitored the Executive Board's activities on a regular basis and thereby giving the Executive Board the guidance and assistance in searching for new clients as well as providing the Executive Board with information on markets and potential customers.
- The Board of Management gave the Executive Board the directions for practicing good internal administration, strengthening management of risks, intensifying administration principles and regulations, and perfecting transaction processes,

Regarding finance, the Board has tightly controlled the cash flows, minimize the cost of capital use, and effectively use of capital sources, re-structure the investment portfolio, and cut down ineffective investment portfolio. The Board also implemented a plan of issuing convertible bonds to raise VND100 billion, and carried out a plan of issuing 692,215 shares under the option program for employees of the Company (ESOP). Regarding investment, the Board has decided to provide 03 barges and equipment for super long and super heavy cargo transport services, and share with Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company the cost of purchase two container vessels. The Board has also issued a strategic decision to invest in the bonded warehouse and logistics services project located in an area of 10 hectares at the Saigon Hi-Tech Park. The investment plan for this project will be submitted to the AGM 2014-2015 for approval. In addition, the Board also decided to invest in the Transimex-Saigon Logistics Center Project at Hoa Cam Industrial Park in an area of 1.6 hectares in central Da Nang City to help the Company's branch in Da Nang to expand its logistics services in the area of East-West Economic Corridor.

III. RESULTS OF IMPLEMENTATION OF RESOLUTION OF THE AGM OF SHAREHOLDERS 2013-2014:

In 2014, The Board implemented the Resolution of the AGM of Shareholders 2013-2014 as follows:

and regulations on cost management and personnel management. The Board of Management also cut down expenses at all departments and affiliates of the Company to reduce cost of services and enhance the competitiveness.

- The provision of information and reports to the Board of Management was carried out regularly, fully, enabling the Board of Management to timely direct and supervise the Executive Board's activities.
- The resolutions of the AGM of Shareholders and the Board of Management were implemented uniformly, consistently and effectively, in accordance with the actual business conditions as well as requirements of the Board of Management.

V. REMUNERATION OF MEMBERS OF THE BOARD OF MANAGEMENT IN 2014 (BEFORE-TAX):

Unit: VNĐ

No.	Name	Position	Remuneration	Remark
1	Bui Tuan Ngoc	Chairman	146.666.664	
2	Le Duy Hiep	Deputy chairman	80.000.004	
3	Vu Chinh	Member	66.666.672	
4	Nguyen Duy Khanh	Member	66.666.672	
5	Toshiyuki Matsuda	Member	73.611.112	
6	Do Xuan Quang	Member	66.666.672	
7	Huynh Minh Thao	Member	66.666.672	
8	Bui Minh Tuan	Member	66.666.672	
9	Nguyen Phan Dung	Member	50.000.004	
Total			683.611.144	

VI. PLAN FOR ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT IN 2015:

- Successfully organizing the AGM 2014-2015, and submitted to the AGM matters within the authority of the AGM.
- Striving to implement the business plan for the fiscal year 2015:
 - + Total revenue: VND 462 billion, up 4,5% from 2014;
 - + Profit before tax: VND150,5 billion, accounting for 97% of the results in 2014 (In 2014, profit before tax from selling land in Danang and liquidating prime movers is 12,5 billion VND). Excluding selling land in Danang and liquidating prime movers in 2014, profit before tax of 2015 is up 5,2% compared with that in 2014).
- Continuing to develop and perfect the logistics services supply chains by taking the following measures:
 - + Guiding the Executive Board to fulfill the Bonded Warehouse and Logistics Services project at the Saigon Hi-Tech Park in Ho Chi Minh City as well as the Transimex-Saigon Logistics Center project in Hoa Cam Industrial Park, Da Nang, on schedule.
 - + Maximizing the effectiveness of the ICD Transimex, the Distribution Center (TMS DC) and the investment projects that will be completed in 2015.
 - + Continuing to invest in companies that operate in the same business scopes with Transimex, have development potential, and are able to provide supporting services to the Company in term of providing logistics services.
 - + Continuing to consider building logistics centers or warehouses and yards in locations with development potential to enhance the capability of branches of the Company.
- Continuing to give the Executive directions and assistances in seeking new projects.

- Implementing activities to strengthen the effectiveness of risk management in business operations of the Company.
- Effectively managing investments at joint ventures and associated companies by connecting services, carrying out business cooperation and participating in administration activities in order to improve investment efficiency.

The Board of Management highly appreciated and thank the Executive Board and staffs for their great efforts in contributing to the over-achievement of the Company's business plan in 2014.

With the valued support of shareholders, customers at home and abroad, the support of strategic partners, together with the efforts of the Board of Management, the Executive Board and the Company's staff, the Board of Management believes that the Company will continue to achieve its budget and business plan in 2015.

Sincerely yours,

On behalf of the Board of Management


Bui Tuan Ngoc
Chairman

GENERAL DIRECTOR'S REPORT

I. BUSINESS RESULT OF 2014

1. Lifting performance:

LIFTING OF IMPORT/EXPORT CARGO VOLUME

Airfreight (Ton)

Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)	
			Plan 2014	Result 2013
1.438	1.025	1.248	71	82

Ocean freight

FCL (Full Container Load) – Teu				LCL (Less than container load) (M3)					
Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)		Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)	
			Plan 2014	Result 2013				Plan 2014	Result 2013
23.431	16.005	21.202	68	75	106.284	74.202	111.446	70	67

LIFTING PERFORMANCE OF ICD TRANSIMEX AND WAREHOUSE SYSTEM

ICD Transimex (CY)

Laden (Teu)				Empty (Teu)					
Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)		Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)	
			Plan 2014	Result 2013				Plan 2014	Result 2013
182.000	199.114	175.906	109	113	120.000	117.055	103.459	98	113

CFS warehouse (M3)

Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)		Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)	
			Plan 2014	Result 2013				Plan 2014	Result 2013
220.000	299.207	221.425	136	135	26.300	33.858	29.129	129	116

Cold Storage (Ton)

Bonded warehouse									
Import (M3)				Export (M3)					
Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)		Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)	
			Plan 2014	Result 2013				Plan 2014	Result 2013
22.000	48.120	21.985	219	219	5.000	16.463	3.601	329	457

Note: Bonded warehouse (included ICD + DC)

TMS Distribution center

Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)	
			Plan 2014	Result 2013
	157.660			

LIFTING PERFORMANCE OF BARGING SERVICE CENTRE AND CONTAINER INLAND HAULAGE

ICD Transimex (CY)

Laden (Teu)				Empty (Teu)					
Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)		Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)	
			Plan 2014	Result 2013				Plan 2014	Result 2013
52.000	75.150	50.508	145	149	30.800	31.660	29.006	103	109

LIFTING PERFORMANCE OF SHIPPING AGENCY DEPT.

International (TEU)				Domestic (Teu)					
Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)		Plan 2014	Result 2014	Result 2013	Rate (%)	
			Plan 2014	Result 2013				Plan 2014	Result 2013
-	7.781				-	348			

2. Business result:

Business results of fiscal year 2014 (Consolidated):

- Total turnover reached 442,3 billion VND, up 11% compared with 2013
- Profit before tax reached 155,5 billion VND, up 40% compared with 2013 (in 2014, profit before tax from selling land in Danang and liquidating prime movers is 12,5 billion VND)
- Rate of profit before tax / total turnover: 35%

3. Core business activities:

3.1. Market development and handling main services:

- ICD Transimex and TMS Barging Service Center: in 2014, ICD Transimex continued maintaining and promoting business activities of its traditional services (stevedoring services and storage of container, CFS warehouse, bonded warehouse, cold and chilled storage), reached maximum capacity of operation, output of container handling at the port reached 316.200 TEU (up 13% compared with 2013); TMS Barging Service Center transported 75.150 TEU (up 49% compared with 2013); the services of this centre connected ICD Transimex with the ports in the region and the ports in Cai Mep area, met the specific need of the carriers, customers, enriched the supply chain of logistics services of Transimex-Saigon generally.

- Operation Departments (Logistics Department, Agency Cooperation Department, Container Agency Service Department):

- November 2014, Dongjin Shipping has deployed container vessel named "Cape Forby" with capacity of 1.150 TEU calling to Cat Lai Port, along with the existing services operating, currently we are operating totally 5 services weekly, (including HCM and Hai Phong), provided the lifting up to 500 TEU / week for both import and export. Container Agency Service Department combined with Barging Service Centre operated domestic container liner service under the owner Hai An Transport and Stevedoring JSC for the purpose of perfecting supply chain of logistics services of Transimex-Saigon.

- Logistics Department and Agency Cooperation Department continued providing and developing the services to tradition customers, secured new customers; continue expanding the services, strengthening freight forwarding services, transportation of heavy-lift cargo and projects cargo.

- August 2014, Transimex-Saigon was appointed as Cargo Agent for Vietnam Airlines, we are promoting sales activities, in collaboration with existing services of Transimex-Saigon's partners (Vinafreight JSC and Vector Aviation) to promote airfreight logistics services.

- Branches: Da Nang Branch has reached yearly budget, Hanoi and Hai Phong Branches continued to improve organization, services, facility to perform the services perfectly.

- Subsidiary companies:
 - Transimex-Saigon Property Company Limited: TMS Building maintained good activities, exploited 100% capacity of the building, not to any incident.

- Transimex Distribution Center Company Limited: more and more increasing capacity, which has almost reached maximum capacity, on the other hand has gradually shaped of goods as well as customers.

- TMS inland haulage: earned profit in 2014, continued to invest more 10 prime movers to increase the revenue and profit as well as to meet customers' needs of inland haulage.

- The affiliate and joint ventures companies: The Company has divested at An Phu Irradiation JSC but still preserve capital and profits. While Vinafreight JSC, Vector Aviation (Vinafreight JSC owns 90% of charter capital) after restructuring organization, reducing cost, reshuffle customer structure... has achieved good results in 2014. Hai An Transport and Stevedoring JSC reached budget plan as soon as the end of October, exploited beyond capacity. Nippon Express (Vietnam) J.V.C still kept the growth, the Company has invested and put into operation new project named Logistics Center Amata (Amata Industrial Park in Dong Nai Province).

3.2. Organization improvement and HR implementation:

- Establish Container Agency Service Department to represent as general agent for Dongjin Shipping Lines – Korea.

- Streamlined the organizational structure, merged Planning and Investment Department into Administration and General affairs Department in order to saving cost and improve working performance.

- Re-organized human resource thoroughly throughout the company, especially Ha Noi and Hai Phong Branches. As of 31st December, 2014, the total number of parent company employees:

347 people, TMS Property: 05 people, TMS-Trans: 58 people, TMS DC: 29 people, TMS SHTP: 01 person.

3.3. Business results (profit before tax) of TMS's invested companies, associated and joint venture companies:

- Nippon Express (Vietnam) JVC: 94,3 billion VND, up 2,5% compared with 2013.
- Hai An Transport and Stevedoring JSC (HATS): 135,7 billion VND, up 63% compared with 2013.
- Vinafreight JSC (VNF): 58,3 billion VND, up 42% compared with 2013.

3.4. Union and community activities:

- Trade union and the Management Board implemented successfully the policies and regimes for employees, such as social insurance, health insurance, unemployment insurance, paid the salary to employees according to company's policy, consistent with result of business.
- Continued to take care of employees' living in difficult circumstances, supporting the work of charitable and community responsibility.

II. BUSINESS PLAN OF 2015

1. Volume target of 2015:

IMPORT/EXPORT CARGO TARGET VOLUME

Airfreight (Ton)					
Plan 2015	Result 2014	Rate (%)			
1.510	1.025	147			
Ocean freight					
FCL (Full Container Load) – Teu			LCL (Less than container load) (M3)		
Plan 2015	Result 2014	Rate (%)	Plan 2015	Result 2014	Rate (%)
17.570	16.005	110	46.282	74.202	62

CARGO VOLUME OF ICD TRANSIMEX AND WAREHOUSE SYSTEM

ICD (CY)					
Laden (Teu)			Empty (Teu)		
Plan 2015	Result 2014	Rate (%)	Plan 2015	Result 2014	Rate (%)
181.000	199.114	91	110.000	117.055	94
CFS warehouse (M3)					
Plan 2015	Result 2014	Rate (%)	Plan 2015	Result 2014	Rate (%)
303.000	299.207	101	31.500	33.858	93
Bonded warehouse (M3)					
Target	Plan 2015	Result 2014	Rate (%)		
Import	42.102	48.120	87		
Export	20.620	16.463	125		

TMS Distribution Center (Ton)

Target	Plan 2015	Result 2014	Rate (%)
Input	54.035	29.801	181
Output	51.286	33.186	155

CARGO VOLUME OF BARGING SERVICE CENTRE AND CONTAINER INLAND HAULAGE

Volume of Barging Service Centre (Teu)					
Plan 2015	Result 2014	Rate (%)			
81.000	75.150	108			
Container inland haulage (Teu)			Other inland transport (Ton)		
Plan 2015	Result 2014	Rate (%)	Plan 2015	Result 2014	Rate (%)
38.386	31.660	121	205.053	89.280	230

VOLUME TARGET OF INTERNATIONAL CONTAINER LINER SERVICE & DOMESTIC CONTAINER LINER SERVICE

International (Teu)			Domestic (Teu)		
Plan 2015	Result 2014	Rate (%)	Plan 2015	Result 2014	Rate (%)
18.644	7.781	240	1.000	348	287

2. Revenue and profit target:

- Total revenue: 462 billion VND, up 4,5% compared with that in 2014;
- Profit before tax: 150,5 billion VND, equal to 97% compare with that in 2014 (In 2014, profit before tax from selling land in Danang and liquidating prime movers is 12,5 billion VND). Excluding selling land in Danang and liquidating prime movers in 2014, profit before tax of 2015 is up 5,2% compared with that in 2014)

MAJOR OBJECTIVES IN 2015:

Continue to improve supply chain of logistics services of Transimex-Saigon to secure the connection the supply chain of Logistics services whole country, to improve competitiveness, to be ready to face with competitive situation when the ASIAN Economic Community (AEC) takes effect in 2015 as well as guarantee to WTO to open the doors for logistics services, by following measures:

- Projects: besides purchasing heavy-lift equipments, the company will focus on developing relationships with famous contractors in projects scope, especially projects related to electricity.
- Warehousing and transportation: focus timely into the execution the projects at Saigon High Tech Park and Logistics centre of Transimex-Saigon in Danang. Prepare marketing and operating plans for these projects to ensure revenue when put into operation. Take full advantage of infrastructure, facilities, existing services such as ICD Transimex, TMS TRANS, enhance storage capacity of TMS DC to increase revenue and profit. With the advantage of strong resources of a warehouse and transport operators, plus the new investment related to the development of warehouse – yard in HCMC, Danang and upcoming Hanoi - Hai Phong, Transimex-Saigon aims to provide warehousing and transportation services nationwide. In addition, the positive development of relations with well-known foreign companies in logistics scope, attracting the cooperation of partners to develop business, attracting more business and supporting studying and improvement professional qualifications of the company in accordance with international standards.
- Freight Forwarding: This is the services sector needs to be strongly developed. Without own global networks as other global, Transimex-Saigon has to seek out itself reliable partners in targeted and potential markets, through local and international logistics associations as well as specific websites support for this kind of connections, to build up a relatively handling system, deliver to customers indispensable services in

logistics concept such as customs clearance at origins and destinations, domestic transportation, support for customs clearance, door-to-door service...

• Airfreight: Focus on strengthening airfreight logistics services to ensure required volume of Vietnam Airlines, strengthening effective cooperation with Vinafreight / Vector to increase selling of airfreight services. With the advantages of a closed relationship with the airlines, GSA, Transimex-Saigon needs to build a strong sales team and strong air cargo handling team, to conquer this potential market, focus on development potential customers, relating to the sectors can support airfreight as much as garments, shoes, high technology, electronics...

• IT management system: Investment IT system able to integrate all of business activities of the company, connect all the activities of the departments, delivered accurately and timely reports to Board of Director, support for the operations of the company.

• Continue to improve the organizational structure, recruit more managing positions to meet development goals of logistics services across the country, namely:

• To supplement staffs for Sales & Marketing Department, developing a strong, active and positive sales team, to bring more customers and business to other departments as well as the partners of TMS; to improve activities, functions and duties to meet the requirements of the market when finished the Project at Saigon Hightech Park, as well as enhance the effective operation of the existing services of the Company.

• Strongly re-structure for Hanoi and Hai Phong Branches, TMS Trans Company Limited, recruit young, capable and enthusiastic leaders for the Branches.

• Continue to improve personnel for Container Agency Service Department to meet requirements of increasing volume from the owner of Dongjin Shipping.

• Continuing training professional competence for staff by training courses of Professional Aviation, Dangerous Goods, Tax, Securities and training courses on soft skills...

• Execute a flexible wage policy, enhance the benefit of employees to create cohesion and loyalty of employees to the company, as well as attracting talents in the market, from the competitors to contribute to the development and success of the company.

General Director



Le Duy Hiep

SUPERVISORY BOARD'S REPORT

Pursuant to the powers and responsibilities of the Board of Supervisors specified in the Charter of Transimex-Saigon Corporation

The Board of Supervisors (BOS) respectfully presents to the Annual General Meeting of Shareholders (AGM) 2015 the report on operational results for the year 2014 of Transimex-Saigon Corporation as follows:

I. ACTIVITIES OF THE SUPERVISORY BOARD

Regarding the personnel situation, after Nguyen Cong Hieu resigned from his post at the Supervisory Board on April 1, 2014, the Board appointed Ms. Nguyen Bich Lien a member of the Board and the appointment was approved by the AGM 2014. The Board now comprises three non-concurrent independent members.

In 2014, the Supervisory Board conducted quarterly reviews of the company's administration and business operation.

The Supervisory Board were invited to, and fully participated in, fourteen meetings of the Board of Management. At these meetings, the Supervisory Board's representatives contributed opinions to the Company's business operations and development orientations.

The Supervisory Board has also maintained meetings with the Executive Committee to exchange opinions and assessments on the Company's operations.

II. ADMINISTRATION AND BUSINESS ACTIVITIES OF THE COMPANY

Administration:

The Board of Management for the 4th term (from 2013

to 2018) experienced a change when Mr. Pham Truong Son resigned on March 31, 2014 and the Board appointed Mr. Nguyen Phan Dung a member of the Board. The appointment was approved by the AGM 2014.

The Board of Management has implemented the resolutions of the AGM and conducted regular meetings to closely follow the Company's business activities and promptly adopt proper policies enabling the Board of Directors to operate business activities in accordance with the changes of the market.

Issuance of shares to increase the charter capital

Based on the AGM's resolution dated April 18, 2014, the Board of Management on October 28, 2014 approved a resolution to issue 692.215 bonus shares (equivalent to 3% of the charter capital) at VND10.000 per share for the company's staff and promulgate the share issuance regulations. These shares were issued to 279 employees.

On March 11, 2014, the Company issued convertible bonds worth VND100 billion under the approval of the AGM 2014.

Business activities:

In the past year, despite the common difficulties arisen from the economic recession in the world as well as in Vietnam, the Board of Management and the Executive Board has endeavored to implement the resolutions of the annual general meetings of shareholders and achieved significant results:

The consolidated results on business activities for the year 2014 are as follows:

Unit: VND

Target	2013	2014	Increase/Decrease
Total sales of goods and services	398.368.394.971	442.358.239.378	+ 11%
Consolidated pre-tax profit	110.700.803.008	155.480.338.328	+ 40%

The above business results have demonstrated the Company's fairly good growth over the past year.

Equipment and construction:

During the year, the Company has provided three barges and specialized equipment for the services of transportation of super long and super heavy cargoes.

Investment and development activities

During the past year, the Company increased its percentages of ownership at two companies with the

same business lines, including Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company and Vinafreight Joint Stock Company.

The Company and Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company shared the cost of purchase of container ships.

The year also saw the Company carry out divestment at An Phu Irradiation Joint Stock Company

III. REMUNERATION OF SUPERVISORY BOARD IN 2014:

Unit: VND

No.	Name	Position	Remuneration	Remark
1	Nguyen Tuan Anh	Head of the Board	66.666.672	
2	Nguyen Kim Hau	Member	53.333.328	
3	Nguyen Bich Lien	Member	35.555.552	From May 2014
Total			155.555.552	

CONCLUSIONS AND RECOMMENDATIONS

During the past year, most Vietnamese businesses faced difficulties due to the global economic recession, which also had major impacts on the operations of most Vietnamese exporters as well as logistics service providers including Transimex-Saigon. However, the above business results have reflected great efforts of the Company's staff as well as the dynamics of the Board of Management and Board of Directors who applied effective measures to overcome difficulties, achieve high operational efficiency and expand business activities of the Company.

- The Supervisory Board has not detected any irregularities in the operations of Transimex-Saigon in 2014.
- The Company has complied with the operational procedures required by the internal management system, the requirements of the accounting standards and the current accounting regulations.

- The Supervisory Board basically agreed with the auditor's opinion that the Company's financial statements give a true and fair view of the financial position and results of operations of the Company.

The above contents belong to the Supervisory Board's 2014 report to be submitted to the AGM 2015. The Supervisory Board would like to thank the Board of Management, the Executive Board and all the departments of Transimex-Saigon Corporation for creating good conditions for the Supervisory Board to fulfill its tasks during the past year.

Head of the Supervisory Board



Nguyen Tuan Anh

MỞ RỘNG - HOÀN THIỆN
CHUỖI CUNG ỨNG DỊCH VỤ LOGISTICS
Enlarging Services – Perfecting Logistics chain



TRANSIMEX-SAIGON

9th & 10th Fl., TMS Building,

172 Hai Ba Trung St.,

Da Kao Ward, Dist. 1,

Ho Chi Minh City, Viet Nam.

Tel : (84-8) 2220 2888 (16 lines)

Fax : (84-8) 2220 2889

Email : info@transimexsaigon.com

Website : www.transimexsaigon.com